

No. 1592

LUẬN NHIẾP ĐẠI THỪA  
Quyển Thượng

*A-tăng-già tạo luận*  
*Hậu Ngụy, Phật-đà-phiến-đa dịch ở Lạc Dương*  
*Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

Trong Kinh Đại Thừa A-tì-đàm, các Bồ-tát khéo ngộ nhập và an trụ Đại thừa, đối trước Như Lai, muốn làm rõ giáo nghĩa Đại thừa, căn cứ kinh điển Đại thừa nói rõ Như Lai có 10 thứ ngôn ngữ vi diệu thù thắng.

Những gì là 10 ? Một là ngôn ngữ của trí y, hai là ngôn ngữ của trí tướng, ba là ngôn ngữ nhập trí tướng, bốn là ngôn ngữ nhập nhân quả, năm là ngôn ngữ nhập tu nhân quả, sáu là ngôn ngữ tu hành giới sai biệt tăng thượng, bảy là ngôn ngữ của tâm tăng thượng, tám là ngôn ngữ của tuệ tăng thượng, chín là ngôn ngữ diệt trừ và mười là ngôn ngữ của trí.

Như vậy, câu trong kinh đây, hiển thị Đại thừa là Phật thuyết.

Hiển thị như thế nào?

Nghĩa là trong các kinh điển Tiểu thừa không nói đến 10 thứ ngôn ngữ trên, chỉ có trong Đại thừa nói rõ. Tức là thức A-lê-da là trí y cứ vào sự mà nói. Có ba tính : Một là tính dựa vào cái khác, hai là tính vọng chấp phân biệt, ba là tính thành tựu.

Bởi trí tướng sự, nên Duy thức nói nhập trí tướng sự là nhập vào sáu Ba-la-mật. Nhập vào sự của nhân quả đó tức là mười địa Bồ-tát trở lại tu tập nhân quả đó. Sai biệt thụ giới Bồ-tát là giới tăng thượng trong sự tu tập sai biệt. Các Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, Hư không v.v...là các Tam-muội của tâm tăng thượng. Nói trí vô phân biệt là nói tâm tăng thượng không trụ Niết-bàn. Nói quả diệt là nói ba thứ Phật thân : một là chân thân, hai là báo thân, ba là ứng thân. Đó là quả của trí.

Nói 10 câu này không phải Tiểu thừa giáo nói, mà chỉ có trong Đại thừa làm rõ ý nghĩa vượt trội. Vì vậy, Như Lai căn cứ vào đó, vì các Bồ-tát mà nói nghĩa này. Vì ý nghĩa đó, căn cứ vào Đại thừa giáo, Chư Phật Như Lai nói có 10 thứ ngôn ngữ vi diệu thù thắng cần phải biết.

Vì sao lại nói tướng của 10 thứ ngôn ngữ vi diệu thù thắng này ?

Là để hiển thị rõ ràng Đại thừa là Phật nói, và ngăn chặn ý kiến cho rằng đó là Tiểu thừa, chẳng phải Đại thừa. Bởi vì 10 nghĩa này không thấy nói đến trong kinh Tiểu thừa, mà chỉ có Đại thừa mới nói đến. Và 10 nghĩa này có khả năng khiến chúng đắc Bồ-đề, chắc chắn không có gì mâu thuẫn, do chúng được trí Nhất thiết trí. Ở đây có kệ nói :

*Trí y, trí tướng kia,  
Nhân kia và quả kia,  
Ba cõi sai biệt kia,  
Quả kia và trừ diệt,  
Trí và Thượng diệu thừa,  
Tu hành thẳng tiến đến.*

*Kia nói các xứ vô sở hữu,  
Thấy được thắng nhân, đến Bồ-đề.  
Lời Phật nói trong Đại thừa giáo,  
Mười câu thù thắng ở kinh này.*

Vì ý nghĩa gì 10 câu được nói theo thứ tự như vậy ?

Nghĩa là Bồ-tát từ sơ học đạo, trước phải y cứ vào các pháp nhân quả. Y cứ vào nhân quả rồi

phải khéo thành tựu nhân duyên. Đối với các pháp duyên sinh phải khéo biết xả ly. Khéo léo làm yên ổn mọi chướng ngại, Bồ-tát khéo léo trong thủ tướng, phải chứng chỗ sở học, khiến trong các chướng, tâm được giải thoát. Sau đó nhập trí tướng rồi, trước tu hành được 6 Ba-la-mật. Thân tâm đã thật sự thanh tịnh, do tịnh tâm thâm nhiếp 6 Ba-la-mật, phân biệt tu hành trong 10 địa, trải qua 3 kiếp A-tăng-kì. Rồi sau làm viên mãn 3 thứ giới Bồ-tát. Viên mãn rồi tức chứng quả Niết-bàn, được vô thượng chính đẳng chính giác. Đó là lần lượt thứ tự nói 10 ý nghĩa của ngôn ngữ thù diệu của Như Lai. Trong đó đã lược nói hết ý nghĩa của Đại thừa.

Trong 10 ngôn ngữ đây, trước tiên nói về ngôn ngữ vi diệu thù thắng của trí y. Trong kinh, Như Lai nói là thức A-lê-da. Vì đã dùng từ ngữ A-lê-da thức, cho nên nay nói về từ ngữ A-lê-da thức. Trong Kinh Đại Thừa A-tì-đạt-ma, Như Lai có nói bài kệ :

*Tính kia từ vô thủy,  
Làm sở y các pháp.  
Có kia : có các nẻo,  
Và chính kia : Niết-bàn.*

Và cũng trong kinh trên nói :

*Là nhà chứa các pháp,  
Chứa các hạt giống thức.  
Nên nói nhà của thức,  
Người thông minh nên biết.*

Đây là dẫn chứng trong kinh.

Nhưng vì sao gọi kia là thức A-lê-da ?

Vì khi các pháp sinh khởi thì kia là nơi đầu giữ các nhiệm pháp làm quả, và kia cũng là nơi các thức làm nhân, nên gọi là thức A-lê-da. Hoặc chúng sinh lấy kia làm tự ngã, nên gọi là thức A-lê-da. Thức A-lê-da cũng có tên là thức A-đà-na.

Có gì làm chứng ?

Như trong Kinh Tương Tục Giải Thoát có nói

:

*Thức A-đà-na rất sâu xa,  
Chứng tử như sóng trong dòng nước.  
Ta chẳng đem nói người phàm biết,  
Sợ rằng chấp đó cho là ngã.*

Vì ý nghĩa gì gọi là thức A-đà-na ?

Vì thức này y vào tất cả sắc căn, chấp thủ tất cả tự thể, nhờ đó các sắc căn nó y cứ, không hư hoại cho đến khi mạng căn chấm dứt, bởi được tùy thuận chuyển. Và khi nhận thân mới ở đời vị

lai, thức này có khả năng chấp thụ sinh thân. Cho nên gọi là thức A-đà-na.

Thức này cũng gọi tên là tâm. Như Phật có nói tâm, ý và thức vậ. Trong đây ý có hai chỗ y chỉ, là cận tác duyên, cận diệt thức cùng ý thức làm sinh nhân, và nhiễm ô ý tương ưng với 4 phiền não : ngã kiến, ngã mạn, ngã ái và vô minh, cùng với ý thức sinh nhiễm ô. Nếu lấy trong một thân mà nói sinh thức, thì ý thứ hai là nghĩa thức của cảnh giới ô nhiễm. Vì lấy nghĩa gần và nghĩa không phân biệt nói hai ý. Như bài kệ sau đây :

*Tạp nhiễm chướng vô minh,  
Đông pháp và năm thứ.  
Tam-muội hoặc thắng sự,  
Nếu nói là thành lỗi.  
Vô tướng mà khởi ngã,  
Sinh thuận hành vô cùng.  
Cận thuận khởi ngã tướng,  
Tất cả đều bất thành.  
Lìa nhiễm là vô tâm,  
Hai và ba trái nhau.  
Kia không tất cả chỗ,  
Chấp thành ngã các nghĩa.  
Tâm thuận chính nghĩa nên*

*Thường thuận nhau không trái.  
Tất cả là đồng hành,  
Nói không rời vô minh.*

Tâm và thân thứ ba nếu là thức A-lê-da thì không còn nơi nào khác. Vì ý nghĩa đó nên giải thích thành thức A-lê-da là tâm sự tùy chủng tử.

Vì ý nghĩa gì nói ý và ý thức kia là tâm chủng chủng pháp ?

Vì nghĩa các chủng tử nhóm họp huân tập.

Vì ý nghĩa gì, trong kinh Tiểu thừa Phật không nói tâm kia là thức A-lê-da và thức A-đà-na ?

Vì bao hàm nghĩa trí rất vi tế. Các Thanh Văn không tu học thực hành trí của người nhất thiết trí. Cho nên trong số họ nghe nói trí thì hiểu thành giải thoát, nên Phật không nói. Các Bồ-tát là người tu hành trí của người nhất thiết trí, nên Phật vì họ nói thức này. Nếu không nói thì là thức này không thể tu học thực hành trí của người nhất thiết trí.

Nhưng kinh Tiểu thừa cũng có nói thức kia với các tên khác. Như trong Tăng Nhất A-hàm nói hỷ lạc A-lê-da thế gian, trước A-lê-da, A-lê-da sở thành, cầu A-lê-da, diệt A-lê-da, cho nên

khi Như Lai thuyết pháp thì phải thân cận nghe kỹ, đem tâm tùy thuận tiếp thụ chính pháp và thứ pháp. Khi Như Lai xuất hiện thế gian, nói pháp hy hữu này cho thế gian, nên trong Kinh Tư Ích đã dùng nghĩa này mà nói. Vì ý nghĩa này, trong kinh Tiểu thừa cũng có tên khác nói thức A-lê-da này. Trong Kinh Đại Tăng-kì Tăng Nhất A-hàm cũng nói thức kia là căn bản, như cây dựa vào gốc rễ mà đứng, trong Di-sa-tắc-tăng cũng nói, cho đến nói thế gian ám không dứt, các tên khác như vậy cũng để nói thức kia. Hoặc có lúc sắc và tâm đoạn nhưng không có nghĩa là thức A-lê-da đoạn, mà đó là chủng tử. Cho nên chỗ trí sở y là A-đà-na thức, là tâm, là A-lê-da, là căn bản thức, cho đến cái gọi là thế gian uẩn là nói cái thức A-lê-da kia. Thức A-lê-da sáng tỏ hơn cả như con đường đại lộ của vua đi.

Có người nói tâm, ý và thức, nghĩa là một, chỉ khác tên. Nhưng nói vậy không đúng. Trong ý và thức đã thấy có nghĩa khác nhau, vì vậy tâm cũng phải có nghĩa khác.

Có người nói rằng trong A-hàm Như Lai có nói hỷ lạc A-lê-da thế gian. Như vậy có nghĩa là ngũ uẩn là A-lê-da.



Có người nói lạc thụ đồng với tham v.v...là thức A-lê-da. Hoặc nói thân kiến là A-lê-da. Nhưng đây là những người mê si đối với thức A-lê-da, nên do nghe và giải thích mà nói như vậy là vì y theo kinh giáo Tiểu thừa phân biệt mà an lập. Nhưng vì ngu si, họ cũng bất thành trong việc phân biệt an lập. Phân biệt như vậy rồi, thức A-lê-da trở thành rõ ràng hơn vì tạo thành thuyết sai biệt như vậy.

Sao nói là rõ ràng hơn ?

Rõ ràng là vì nếu ngũ ấm sinh vào đường dữ, thì khi cứ một mục thụ khổ phải chán. Mà nói là cứ một mục chán bỏ cũng không đúng. Nếu nói có chán có ưa, như vậy tức thường cầu chán bỏ, cũng đồng với tham thụ cái vui. Nhưng từ Tứ thiên trở lên đã không còn sự yếm ly nữa. Như vậy cái mà chúng sinh trong đó y chỉ cũng không thành. Nếu nói thức A-lê-da cũng đồng với thân kiến thì những người tin vô ngã trong Phật pháp sẽ chán bỏ nó, cho nên nói kia là chỗ y chỉ cũng bất thành. Nhưng thức A-lê-da tự thân dù có sinh vào nơi thuần khổ và mong cầu giải thoát khổ uẩn, và mặc dầu trong tự thân thức A-lê-da có tướng giải thoát, dầu sinh từ Tứ thiên trở lên đồng

thời có tham lạc thú hay chán bỏ khổ đau, thức A-lê-da vẫn khởi ngã ái. Như vậy những người tin vô ngã trong Phật pháp, tuy chán bỏ thân kiến, mà thức A-lê-da vẫn có tướng yêu thích tự thân. Đó là phân biệt về thức A-lê-da đã rõ ràng.

Còn nói về các tên khác và phân biệt an lập, thì tướng của A-lê-da sơ lược có 3 thứ : một là chỗ sai biệt về tự tướng, hai là tướng sai biệt về nhân và ba là tướng sai biệt về quả. Trong đó nghĩa về tự tướng của A-lê-da là nó là nơi huân tập tất cả nhiệm pháp và thâm nhiếp chủng tử làm nhân sinh các pháp. Tướng sai biệt về nhân là các chủng tử A-lê-da thâm giữ, trong tất cả mọi thời gian, nó làm nhân sinh ra các pháp tập nhiệm. Tướng sai biệt về quả là thức A-lê-da thâm giữ tất cả các pháp tập nhiệm huân tập từ vô thủy.

Thế nào là huân tập và vì nghĩa gì nói là huân tập ?

Nghĩa là dựa vào pháp kia mà cùng sinh diệt và từ sự sinh diệt ấy mà có sự việc ấy. Như mè ướp hoa, hai thứ cùng sinh diệt, mà mè có mùi thơm của hoa. Hoặc như nói người tham dục có tham dục huân tập, cùng tâm tham sinh diệt nên sinh tâm tương tự kia. Như nói người đa văn có

đa văn huân tập, cùng với sự đa văn nghĩ nhớ sinh diệt, nên sinh tướng nhân của đa văn. Do đó có nghĩa của tập này là đồ đựng các pháp, cũng gọi gìn giữ các pháp. Sự huân tập trong thức A-lê-da cũng vậy.

Lại nữa chúng tử các nhiễm pháp v.v...trong thức A-lê-da kia là riêng biệt hay không riêng biệt ?

Chúng không phải như vật riêng biệt, chỗ trụ của chúng chẳng phải không riêng biệt. Như vậy sinh ra thức A-lê-da kia và thức A-lê-da kia sinh các sức vượt trội nên nói nó là tất cả chúng tử.

Vì sao thức A-lê-da và các nhiễm pháp kia đồng thời làm nhân cho nhau ?

Như ngọn đèn và tim đèn đồng thời làm nhân cho nhau vậy. Như đám cây lau dựa vào nhau mà đứng không ngã. Đây cũng vậy, thức A-lê-da và các nhiễm pháp làm nhân cho nhau mà không có nhân duyên nào khác.

Vì sao A-lê-da huân tập các pháp không phân biệt mà lại làm nhân các pháp phân biệt ?

Như cái áo đã nhuộm các màu rồi thì không thấy các màu riêng biệt. Nhưng khi cái áo đang lần lượt nhuộm trong các chậu nước màu thì thấy

có các màu khác nhau, vì không phải chỉ có một chậu nước màu. Cũng vậy, thức A-lê-da khi huân tập thì không phân biệt, nhưng khi sinh quả thì thứ nào ra thứ nấy, hiện tướng rõ ràng. Đây chính là chỗ nhân duyên rất sâu xa vi tế trong Đại thừa.

Nhân duyên này có 2 thứ : một là sai biệt về tính, hai là sai biệt về quả ái bất ái. Trong đây y vào thức A-lê-da này, sinh các pháp tức sai biệt về tự tính, nghĩa là do phân biệt các tự tính làm nhân duyên hiện khởi. Nơi thức A-lê-da, mê nhân duyên ban đầu thì nói tính là nhân, hoặc nói bản tác là nhân, hoặc nói ứng hóa tự tại là nhân, hoặc nói tướng tự ngã là nhân, hoặc nói là không nhân không duyên. Mê nhân duyên thứ hai thì hoặc cho tự thân là tác giả, hoặc cho tự thân là thụ giả. Ví như có những người mù chưa bao giờ trông thấy voi. Nếu đem voi đến cho chúng thì có kẻ sờ được vòi, kẻ sờ được ngà, hoặc tai, chân, đuôi, lưng. Sau đó hỏi voi có hình dáng thế nào, người thì trả lời là như cái chuỗi cày, người thì nói như cái chày, hoặc như cái rỗ, như cột nhà, như cây chổi. như tảng đá to. Những người vì vô minh không biết hai thứ nhân duyên này, cũng giống như những người mù bẩm sinh, hoặc chấp cho là

tự tính, là bản nhân, là tự tại, là tự thân, là vô nhân, là tác giả, là thụ giả. Còn thức A-lê-da như con voi vậy. Do không biết tính tướng tự thể nên có các chấp như vậy.

Đó là lược nói về nhân, quả, báo thức và tính tất cả chủng tử của thức A-lê-da. Cho nên trong ba cõi, thức A-lê-da thâm nhiếp tất cả thân chúng sinh và tất cả mọi nẻo luân hồi. Thế nên có 5 bài kệ như sau :

*Trong ngoài không phân minh,  
Mà nói tướng thuận sự.  
Kia tất cả chân thật,  
Nói là sáu chủng tử.  
Không và đồng các đại,  
Kia cũng nói tùy thuận.  
Định mà mất các duyên,  
Và tự quả tương lai.  
Kia thấy mà vô ký,  
Hoặc thuận kia vô dư.  
Huân kia chẳng đâu khác,  
Nhưng kia là tướng tập.  
Sáu : không có nghĩa thuận,  
Vì ba là trái nhau.  
Vì các niệm không đồng,*

*Vì sinh các tùy thuận.  
Trong ngoài các chủng tử,  
Kia nói là sinh nhân.  
Không tiếp nối là hết,  
Thì chết là tự nhiên.*

Có 6 chuyển thức nhưng đều một thân thụ báo các cõi, như trong Trung Biên Phân Biệt Luận có nói :

*Một là thức tác duyên,  
Thứ hai thụ quả báo.  
Người phân biệt thụ báo,  
Đều phát các tự tâm.*

Vì các thức làm tác duyên cho nhau, như bài kệ trong Đại Thừa A-tì-đàm Tu-đa-la nói :

*Chỗ dựa tất cả pháp,  
Như vậy các thức kia,  
Thay phiên nhau làm quả,  
Tất cả cũng là nhân.*

Nếu các thức này thay phiên nhau tạo quả nhân duyên, vậy nhân duyên ban đầu và nhân duyên thứ hai là những nhân duyên gì ?

Là tăng thượng duyên.

Nhưng 6 thức đây có bao nhiêu duyên sinh ?

Tăng thượng duyên và các duyên sinh theo thứ tự. Tức 3 thứ nhân duyên này thế gian, ái, bất ái với thụ quả báo thành 4 duyên để phân biệt rõ thức A-lê-da này.

Nhưng còn tên và tướng khác, làm sao biết duy chỉ cho thức A-lê-da mà không phải là 6 chuyển thức. Như vậy là trong sai biệt đã an lập thức A-lê-da rồi.

Cho nên không phải thức A-lê-da thì không thành nhiễm tịnh, không thành phiền não, không sinh nghiệp nhiễm, cho đến không thành nghiệp thanh tịnh thế gian và xuất thế gian.

Vì sao không thành tạp nhiễm phiền não ?

Vì phiền não tạp nhiễm không huân tập chủng tử trong 6 thức thân. Như nhãn thức với tham phiền não cùng sinh cùng diệt, nhưng chủng tử nó huân tập kia, không cùng diệt với nhãn thức. Trong các thức khác chẳng phải là tập, cũng chẳng phải sở y của tập, nhãn thức trước đã diệt không còn, cái tham cùng sinh trong cảnh của nhãn cũng không, cho nên quá khứ đã không thành. Như quả báo nghiệp quá khứ sinh, nhưng nhãn thức kia với tham v.v... cùng sinh nên không thành tập, vì là sở y của tham, tham không

bền chắc, vì không phải biệt thể của các thức, các thức đồng thời sinh diệt nên chẳng phải tự tính. Các tính có cùng sinh diệt, vì vậy chẳng phải nhãn thức huân thành phiền não tham v.v..., chẳng phải thức kia và thức sở huân. Nhãn thức như vậy, 6 chuyển thuận thức cũng giải thích như thế.

Nên biết rằng trời Phi tướng trở lên sau khi diệt, sinh vào xứ này, lúc mới sinh thức không có các chủng tử phiền não tạp nhiễm cũng như chỗ sở y, vì các huân tạp quá khứ không còn. Do bởi sinh cái thức đối trị phiền não thì tất cả cái thức thể gian đều diệt hết. Nói thức A-lê-da và các chủng tử phiền não tồn tại trong thức đối trị kia là không đúng, vì tính của nó là giải thoát phiền não, và không còn cùng sinh diệt. Sau khi sinh trở lại cái thức thể gian thì vì diệt đã lâu không còn nữa nên các chủng tử huân tạp cùng y nơi kia nếu là thức A-lê-da thì việc nhiễm phiền não không thành.

Vì sao nghiệp nhiễm không thành ?

Vì không thuận với nghĩa hành duyên thức. Không có thủ duyên hữu vì cũng không thuận.

Vì sao sinh nhiễm không thành ?



Vì thụ thân sau, thân không thuận nghĩa. Không nhập trong định địa thì diệt rồi ở trong trung ấm. Niệm tạp nhiễm, ý thức thụ thân sau. Nhưng cái ý thức tạp nhiễm kia đã diệt trong trung ấm kia, kia lấy Ca-la-la gá vào thai mẹ. Nếu chỉ có ý thức thác vào thì sau khi gá vào rồi, kia sẽ dựa vào sức, trong thai mẹ phải có dựa vào hoạt động của thức. Vậy từ trong thai mẹ phải có 2 thứ ý thức. Vì cùng có, nên không phải kia nương gá ý thức. Ý thức thành trên thân tạp nhiễm và tùy thuận ý thức niệm. Tuy có ý thức kia nương gá, đã dựa vào ý thức thì kia là nhất thiết chủng tử, là sẽ tùy theo thân kia mà hoạt động. Nếu tùy theo kia nương gá tức kia là nhất thiết chủng tử. Vì vậy cho nên đó chính là thức A-lê-da. Và tên khác, sai biệt cũng an lập y vào thức này.

Nhưng nếu y vào kia mà là nhất thiết chủng tử thì kia y vào đâu làm nhân thức, thế tức kia không phải nhất thiết chủng tử. Còn nếu y vào quả sự mà nói là nhất thiết chủng tử, cũng không có nghĩa. Vì vậy giải thích này thành ra cái nương gá thức kia, chẳng phải ý thức mà là báo thức, cho nên kia là nhất thiết chủng tử.

Vì thủ hậu thân nên phải thủ các sắc căn. Những gì báo thức không thấy trên ý ? Ý thức và các nhân không bền chắc, các thức khác thủ sắc căn vì không gì không sắc có thể thành được. Thức và sắc nương tựa vào nhau như đám mây lau. Tạo tác kia cũng không thành trung gian báo thức, vì nghĩa của tăng ích nên không thành các đại. Chúng sinh chẳng phải báo thức, trung gian thức, 6 thức, tùy nơi trong 3 cõi sinh các đại. Chúng sinh làm nơi tăng ích, từ đây diệt rồi, tuy nhập sinh định, nhưng vì tạp nhiễm không vào định. Ý thức thủ thân sau, nhưng kia không nhập định tâm, trong địa vị kia không thành chủng tử tạp nhiễm của trung gian báo thức. Nhưng sinh trong cõi Vô sắc thì không có chủng tử của tạp nhiễm, thiện căn giác, trong trung gian nhất thiết chủng tử báo thức, không có chỗ sở y. Được tạp nhiễm thiện căn tâm, thì trở lại nơi kia hiện xuất thế gian tâm. Các thế gian tâm khác mất rồi, các hành nghiệp kia phải được sinh lại, chẳng phải có tướng chẳng phải không tướng. Khi không dùng xuất thế gian tâm, thì phải được trở lại hai đường kia. Cái thức xuất thế gian kia chẳng phải có tướng, chẳng phải không tướng, đến chẳng có

chỗ sở y, chẳng có chỗ sở y của hành nghiệp, là thành chỗ sở y của Niết-bàn đạo.

Khi sắp xả thân, hoặc do tạo nghiệp thiện, bất thiện mà trên thân có dấu hiệu lần lượt từ trên xuống hay từ dưới lên. Diệt độc được thanh lương, nếu không có thức A-lê-da không thành, việc sinh nhiễm trong nhất thiết chủng tử báo thức cũng không thành.

Vì sao sự thanh tịnh của thế gian không thành ?

Nghĩa là người lìa các dục mà chưa được cái tâm của cõi Sắc, chỉ được thiện tâm của cõi Dục, đối với Dục sinh chán bỏ, nhưng đó là cái tâm trong cõi Dục, sau dùng làm tâm của cõi Sắc nó không cùng tâm của cõi Sắc đồng sinh diệt, nên tâm kia không huân tập chủng tử này, không thành vì nó không phải tâm của cõi Sắc. Do quá khứ vô lượng kiếp ngăn cách, tâm kia nhập vào tâm định, làm chủng tử không thành. Kia đã không còn phù hợp nữa. Cái tâm nhập định cõi Sắc kia, nhất thiết chủng tử báo thức từ lâu xưa chuyển dần chuyển dần, sau nhờ nhân duyên tu tập thiện hạnh làm tăng thượng duyên cho tâm kia. Nên biết rằng sự chán bỏ ở các địa vị cũng

diễn tiến thuận theo nghĩa như vậy. Cho nên việc thanh tịnh thế gian, là nhất thiết chủng tử báo thức thì không thành.

Vì sao sự thanh tịnh của xuất thế gian không thành ?

Như Phật nói, nghe âm thanh bên ngoài, trong tâm tịch tĩnh suy xét, nhân đó sinh chính kiến. Bởi vì nghe âm thanh kia, hoặc huân vào nhĩ thức, hoặc huân vào ý thức, hoặc huân cả hai. Trong khi đó các pháp thì vắng lặng, vì tư duy ức niệm nên nhĩ thức không khởi. Ý thức cũng bị các thức khác xen cách nên khi sinh vắng lặng tư duy thì kia diệt đã lâu, cái ý thức vô thường, cái nghe được huân tập cũng đã không còn. Nơi nào là chủng tử tâm của kia ? Sau hành tịch tĩnh tư duy thì cái tịch tĩnh tư duy kia là hành thế gian tâm. Còn chính kiến kia thì đồng thuận với tâm xuất thế gian, và có khi cùng sinh cùng diệt. Cho nên kia không huân. Vì không huân nên kia không thành chủng tử. Vì vậy xuất thế gian thanh tịnh không thành nhất thiết chủng tử báo thức. Trong đó chủng tử nhiếp là không hợp.

Lại nữa . vì sao tất cả chủng tử và báo thức làm thành nhiệm nhân ?

Vì kia không đối trị được chủng tử của thế gian tâm. Xuất thế gian tâm là chưa từng có, cho nên vốn không có sự huân tập. Đã không có kia huân tập thì có chủng tử nào sinh. Kia nên nói tất cả pháp giới thiện tịnh đều do chủng tử cái nghe huân tập sinh ra.

Đã có cái nghe huân tập vậy đó là tính của thức A-lê-da chăng ? Nếu là tính của thức A-lê-da thì kia làm sao đối trị chủng tử được ? Còn nếu không phải tính như thế thì chủng tử của cái nghe huân tập kia dựa vào đâu có thể nhận biết được ?

Chư Phật được Bồ-đề rồi, tất cả cái nghe huân tập, tùy thân tâm hiện khởi trong báo thức, hòa hợp như nước với sữa, nhưng không phải là thức A-lê-da kia, vì nó đối trị chủng tử. Trong đó dựa vào những huân tập vi tiểu mà sinh các huân tập bậc trung, dựa vào các huân tập bậc trung sinh các huân tập bậc cao. Đa phần dùng nghĩa thuận của văn, tư và tu. Nhưng chủng tử văn tư tu kia tuy có vi tiểu, bậc trung, bậc cao, tuy là chủng tử của pháp thân, nhưng trái nhau với thức A-lê-da và không nhiếp thuộc trong thức A-lê-da. Vì nó là

nhân khí của pháp giới xuất thế gian thiện tịnh cho nên nó làm chủng tử của tâm thế gian và xuất thế gian. Nhưng khi nó chưa được tâm xuất thế gian thì nó đối trị hiện khí phiền não, đối trị tùy ác đạo, đối trị tiêu diệt tất cả ác, tùy thuận thân cận chư Phật Bồ-tát, cũng nhiếp thuộc pháp thân các tân học trong thế gian, nhiếp thuộc trong giải thoát thân của chư Bồ-tát, nhiếp thuộc thân của pháp giải thoát A-lê-da kia của Thanh Văn, Duyên Giác, tùy theo trường hợp cứ tăng thượng từ vi tiểu đến bậc trung, bậc cao. Cứ như vậy, báo thức cũng từ thân vi liệt chuyển dần, chuyển thân tất cả mọi thời, tất cả mọi chuyển thân hoàn tất, nơi báo thức kia tất cả chủng tử lìa trạng thái chủng tử và tất cả mọi thời đã diệt xong.

Rồi như thế nào ? Thức A-lê-da như nước và sữa. Nếu vậy chẳng phải thức A-lê-da đồng sự mà làm ? Tất cả mọi thời hoại, như con ngỗng uống sữa trong nước. Hoặc nhập thế gian chán, hoặc nhập định tập diệt, nhập định tập tăng trưởng như chuyển thân và nhập các diệt tận định. Tuy không đả trước thức cho nên trong chỉ chấp không lìa thành chẳng phải diệt tận định. Kia đối trị có thể

thủ sinh, chẳng phải kia khởi rồi lại sinh. Báo thức đã đoạn, các chỗ khác không thể thủ thuận.

Nếu lại chấp nói rằng diệt tận định có tâm thì kia cũng là tâm thiện, bất thiện. Vì kia là vô ký không sinh thành, nên kia cũng không sinh thành.

Nếu lại nói sắc tâm sinh sau thì chủng tử các pháp phân biệt trước chưa sinh, cũng không sinh sắc vô sắc, diệt rồi và từ Diệt tận định khởi cũng không thành, và A-la-hán hậu tâm cũng không thành, trừ ra chỉ theo thứ tự duyên sự mới thành. Như vậy tất cả chủng tử trong báo thức thành không nhiễm không tịnh. Cho nên giải thích về sự thành cái tướng này có bài kệ như sau :

*Tịnh tâm Bồ-tát,  
Lìa các năm thức,  
Lìa các nhiễm sự.  
Tâm khởi thế nào ?  
Đối trị hồi chuyển,  
Vô lượng bất thành.  
Nhân quả phân biệt,  
Kia diệt là thuận,  
Lìa chủng phi sự,  
Nếu thủ chuyển sự,  
Hai sự đều không,*

### *Chuyển sự bất thành.*

Vì sao vậy ? Nên biết sự sai biệt của thức A-lê-da này, đại khái có 3 thứ và 4 thứ. Trong đó 3 thứ là 3 thứ huân tập sai biệt : 1.Ngôn thuyết tập sai biệt, 2.Thân kiến tập sai biệt, 3.Nhân duyên tập sai biệt. Bốn thứ tập sai biệt là : 1.Thủ thời sai biệt, 2.Báo sai biệt, 3.Niệm sự sai biệt, 4.Tướng sai biệt. Trong đó Thủ thời sai biệt là vì không có các tập sinh ra kia cho nên hành duyên thức và thủ duyên hữu là bất thành. Trong đó Báo sai biệt là các hành có duyên, nên các đường thụ báo kia không có, không có hậu sinh, việc sinh các pháp bất thành. Niệm sự sai biệt là trong ý nghĩ tướng ngã, nếu ý không có nghĩ thân mình thì không thủ sự. Tướng sai biệt là kia có tướng đồng hay bất đồng, là tướng đồng chủng tử thụ sinh, tướng đồng chủng tử thụ sinh, sở hữu khí thể gian chủng tử bất đồng, sở hữu chủng tử nội nhập, sở hữu đồng là kia là chủng tử thụ sinh đối trị sinh, bất đồng là chương diệt, và đồng là kia vọng tướng phân biệt thủ kiến tịnh, các hành nhân trong một sự, tin những gì mình thấy được. Ở đây có bài kệ như sau :

*Khó diệt chủng trói,*



*Nói là đồng sự.  
Hành nhân loạn tâm  
Tự nghĩ ngoài hoại  
Tịnh không trái nhau  
Chân thật thấy tịnh.  
Phật giới thanh tịnh,  
Chư Phật thấy tịnh.*

Sở dĩ không đồng chủng tử đồng thụ sinh vì kia không có cho nên thế gian chúng sinh, thế gian thuận thẳng sự bất thành. Lại có thô ráp tướng và an tướng. Thô ráp tướng là phiền não và các sử chủng tử. An tướng là chủng tử thiện pháp hữu lậu. Vì kia không, nên tác hay bất tác không thành trong thẳng thân. Lại về thụ và bất thụ tướng, thì thụ tướng là các chủng tử thụ báo thiện và bất thiện, bất thụ tướng là các chủng tử ngôn đạo huân tập. Vì có vô lượng chủng tử phân biệt thuận cho nên kia không có thì khi được nghiệp thiện ác, không thành nghĩa thụ dụng, việc sinh huân tập chủng tử tân ngữ ngôn không thành. Lại nữa về dụ tướng như ảo hóa, sóng nắng, chiêm bao, đau mắt v.v...thức A-lê-da lúc ấy không có, vì là chủng tử hư vọng phân biệt nên tướng sự không thành. Lại nữa lại có đủ đồng tướng và biệt

tướng. Với kẻ trói buộc là đồng tướng thế gian, với kẻ lừa dục là hoại tướng. Với học giả Thanh Văn và các Bồ-tát nhất nghĩa nhất xứ thì trừ tướng. A-la-hán, Bích-chi-phật, chư Như Lai thì các phiền não chướng đều trừ tướng. Phiền não chướng, trí chướng và cụ trừ tướng như thuận kia không dần dần diệt phiền não.

Vì nghĩa gì ?

Trong các pháp báo thiện bất thiện, thuộc bất định vô ký báo. Vô ký như vậy nên không trái chống với thiện hay bất thiện. Nếu trái chống với thiện hay bất thiện thì việc chuyển sự phiền não thiện bất thiện không thành. Cho nên báo thức chỉ có bất định vô ký.

Đã nói về trí y. Vậy trí tướng là thế nào ?

Lược nói có 3 thứ : 1.Tướng tha tính, 2.Tướng vọng tướng phân biệt, 3.Tướng thành tựu.

Thế nào là tướng tha tính ?

Nó là cái thức thâm nhiếp các chủng tử hư vọng phân biệt trong thức A-lê-da. Nó còn có các thức thuộc về thân và thụ dụng như thụ dụng thức, thời thức, số thức , phương xứ sai biệt giả ý thức, tự tha phân biệt thiện đạo ác đạo sinh diệt

thức. Trong đó có thân và thụ dụng thức với sở dụng thức, và thụ thức có thời, số, phân biệt giả thức là vì chủng tử của ngữ ngôn huân tập làm nhân sinh ra. Tự tha phân biệt thức là do chủng tử của thân kiến huân tập làm nhân. Có thiện đạo ác đạo sinh tử là vì chủng tử nhân duyên huân tập làm nhân. Các thức này gồm thân tất cả trần, tất cả phiền não trong các nẻo đường chúng sinh. Nói tướng tha tính là thành hiện thấy hư vọng phân biệt, cái thành hiện thấy phân biệt này bao gồm các hư vọng phân biệt trong các thức, chỉ có thức mà thôi, không lấy một nghĩa nào khác làm y chỉ. Đó là tướng tha tính.

Thế nào là tướng vọng phân biệt ?

Nghĩa là không có trần, chỉ do thức hiện khởi làm trần mà thủ tướng.

Thế nào là tướng thành tựu ?

Nghĩa là trở lại trong tướng tha tính kia hằng không có tướng vi trần. Trong đó thân và nhãn v.v.. 6 thụ dụng thức bên trong phải biết đó là thụ dụng thức của nó. Sáu ngoại trần như sắc v.v... phải biết là năng thụ dụng thức của nó. Sáu thứ nhãn thức v.v... phải biết các thức này là các thức sai biệt khác.

Lại nữa các thức này chỉ có thức là vô nghĩa, vì những nơi khác nào có thấy gì ?

Nên biết như thấy trong chiêm bao v.v.... Nghĩa là trong chiêm bao lìa trần, chỉ có thức. Như vậy các thứ sắc thanh hương vị xúc, nhà cửa, rừng đất gió núi v.v...các trần có hiện tượng nên thấy. Còn trong chiêm bao kia không có trần mà thấy, như vậy là tất cả duy thức, tùy nghĩa thông đạt mà biết. Nói v.v...nghĩa là như ảo hóa, sóng nắng, con nai khát nước, đau mắt.

Nhưng người kia chiêm bao thức dậy tất cả cũng chỉ là thức. Bởi vì sao ? Trong chiêm bao chỉ có ý thức sinh. Như vậy nơi kia không hành, hành chân thật, tri giác rồi nên hành chân thật.

Người chưa giác ngộ làm sao biết được duy thức ?

Từ A-hàm và các thuận nghĩa giải thích mà biết. Như Kinh Thập Địa trong Trung A-hàm, Phật nói ba cõi chỉ do tâm tạo tác. Trong Kinh Tương Tục Giải Thoát, Bồ-tát Di-lặc hỏi Phật :

Thế Tôn ! Những hình tượng thấy trong cảnh Tam-muội là khác hay không khác với tâm ?

Phật nói : Di-lặc ! Không khác. Bởi vì sao ? Nghĩ nhớ duy thức thì rõ điều ta nói.

Thế Tôn ! Nếu hình tượng trong cảnh giới Tam-muội không khác với tâm thì làm sao lấy tâm kia thủ tâm kia ?

Phật nói : Di-lặc ! Không có pháp mà có thể thủ pháp, nhưng tâm kia sinh như vậy. Vì sinh như vậy nên thấy như vậy. Ví như duyên hình tượng nên chỉ thấy hình tượng mà nói thấy hình tượng mình. Vì nghĩa trung gian không là hình tượng kia, thấy hình tượng trung gian tương tự, như vậy mà sinh tâm kia, như vậy mà trung gian nói thấy. Như vậy là đã đem A-hàm chứng minh. Như cái tâm khi nhập định thấy màu xanh, biết có màu xanh, thấy sắc tượng là thấy màu xanh của cái tâm là trần, v.v...Do sự giải thích thuận lý này, Bồ-tát đối với các thức, suy lường mà biết là duy thức, chứ không có cái màu xanh do hồi ức mang lại trong thức. Còn đối với cái nhớ do đã thấy nghe tư duy tu tập, thức cũng tùy theo đó lấy ức niệm quá khứ làm hiện tượng duy thức. Qua thí dụ này có thể chứng minh cho lý duy thức. Bồ-tát chưa chứng trí giác chân như, nhờ nghĩa duy thức so sánh mà biết được, như nói các thức, ví với chiêm bao v.v...Trong đó các thức như

nhãn thức v.v...thành được là nhờ nghĩa của duy thức.

Nhãn thức v.v...là thức có sắc cảnh, làm sao biết có nghĩa duy thức ?

Như A-hàm và các giải thích trước đã nói.

Nếu các thức đều là duy thức thì làm sao hiện các sắc tướng và tồn tại lâu dài ?

Vì là nhân của các phiền não ô nhiễm do các hành điên đảo. Các thời khác thì chẳng phải trần nên không có trần vọng. Nếu đã không có thì các việc ô nhiễm phiền não chướng trí chướng không có. Kia đã không có thì việc thanh tịnh cũng không thành. Đó là nghĩa thuận hợp đạo lý. Ở đây có bài kệ như sau :

*Vọng niệm và vọng tưởng,*

*Nói là các sắc thức.*

*Và các phi sắc thức.*

*Đây không, kia cũng không.*

Vì sao thời gian v.v...các thứ như đã nói mà hành nghiệp thì không có thời gian ?

Vì thế gian lưu chuyển không dứt, vì thế giới chúng sinh không số lượng, vì thế giới chư Phật không số lượng, vì các việc làm giả danh phân biệt không số lượng, vì tiếp thu thụ dụng sai biệt

không số lượng, vì thụ dụng sai biệt của quả báo nghiệp ái bất ái không số lượng, vì sự thụ sinh tử sai biệt không số lượng.

Làm sao làm thành nghĩa duy thức của các thức này ?

Nói đại lược có 3 tướng : Một là chỉ có thức, ngoài ra không có nghĩa gì khác. Hai là thức chỉ có hai phần. Ba là nhiều hình tướng , như người thợ vẽ vẽ nhiều hình khác nhau. Như vậy là chỉ có các thức không có trần. Các thức đều có kiến và tướng. Như nhãn thức v.v.. với sắc v.v...và kiến phần của thức kia, cho đến kiến phần của thân thức chỉ là ý thức. Tất cả nhãn v.v...pháp đều là thức lấy ý thức làm kiến, phân biệt trong ý thức và tất cả thức sinh hiện tướng. Ở đây có bài kệ như sau :

*Chỉ có hai thứ kia,  
Hành giả nhập ý thức.  
Chỉ nhập tâm kia rồi,  
Sức kia thành ra đây.*

Chỉ ý thức kia có nhiều thứ hành nghiệp, tùy theo đó mà có tên, cũng như thân, miệng v.v... các hành khác tất cả ở trong thân như người thợ vẽ. Hai thứ hiện tướng của hành nghiệp là trần

hiện tướng và phân biệt hiện tướng. Ở mọi chỗ mọi nơi hiện tướng do xúc. Các hành tướng có sắc trần thì y vào thân. Ý thức và các sắc căn y vào thân. Ở đây có bài kệ như sau :

*Vì đi xa một mình,  
Không thân, nương trong hang.  
Trị tâm khó điều phục,  
Ta nói là tịnh hạnh.*

Như nói 5 căn, cảnh giới ý thức duyên thành thụ. Nhưng kia y chỉ vào ý. Lại nữa như nói 12 nhập, kinh nói 6 chủng thức, chủng thức là ý nhập. Nếu có thức A-lê-da, thức trần, thức phân biệt ở trong đó, tất cả các thức khác, niệm tướng thức kia nên biết chỉ là ý thức đồng là kiến phần, vì chỉ các niệm tướng thức là nhân sinh kiến phần kia. Như trần hiện tướng phần và kiến phần đều cùng dựa vào sinh khởi. Như vậy các thức đều trụ nơi duy thức mà thành lập.

Vì sao thấy có trần mà nói là không có ?

Như Phật nói BỒ-tát thành tựu 4 pháp. Một là cái trí thông hiểu cái nghĩa không thật của các thức, vì thức tướng trái nhau. Như ngạ quỷ, súc sinh, người, chư thiên v.v... cùng một sự kiện mà chỗ thấy khác nhau. Hai là cái trí biết không có



đôi tượng mà có thức, như các hiện tượng trong quá khứ, vị lai và trong chiêm bao. Ba là cái trí biết nếu gia ý điên đảo thì cho là có trần, nhưng thức không điên đảo mà không dụng công. Bốn là cái trí được tùy thuận ba thứ trí. Như vậy chư Bồ-tát và những người đắc thiên định, tâm được tự tại và có sức ức trì thì hiện những điều như vậy và được Xá-ma-tha. Các hành nhân thuận quán pháp, chỉ ức niệm hiện kiến và được trí vô phân biệt. Nơi họ ở đã hiện tất cả nghĩa. Như vậy ba thứ trí này là tùy thuận nghĩa. Nghĩa ấy vốn 4 các tương thích thành không có nghĩa.

Nếu vậy nghĩa của Duy thức hiển hiện nương tựa tướng tha tính như thế nào ? Tha tính lấy nghĩa nào gọi là tha tính ?

Từ chủng tử tự huân tập sinh, duyên tính y tha, sau khi sinh một sát-na, tự không tồn tại bằng năng lực chính nó, nên nói là tha tính. Kia là vọng tưởng phân biệt, chẳng phải tính sở y vì chưa bao giờ có trần kiến.

Vì sao kia là vọng phân biệt ? Vì nghĩa gì gọi tên là vọng phân biệt ?

Vì phân biệt vô lượng tướng nên sinh tướng điên đảo. Nói vọng phân biệt nghĩa là không có tự tướng chỉ do vọng thấy nên nói là vọng tướng.

Như vậy tướng thành tựu là kia hằng không có tự tính tướng thì làm sao thành tựu ? Lấy nghĩa gì gọi là thành tựu ?

Vì không thủ nghĩa nên nói là thành tựu. Vì duyên tịnh niệm là nhân của diệu nghĩa tất cả thiện căn, cũng là nghĩa cao tốt nên gọi là thành tựu.

Lại có phân biệt và vô phân biệt nên nói là tính phân biệt.

Trong đó cái gì là phân biệt ? Phân biệt những gì ? Những tính phân biệt gì ?

Ý thức phân biệt là năng phân biệt. Nhưng tự chủng tử ngôn ngữ huân tập và tất cả thức chủng tử huân tập, nên không có các tướng phân biệt, phân biệt khắp tất cả các vọng tướng phân biệt, nên nói là phân biệt.

Lại nữa tha tính vọng tướng niệm tùy tính sở hữu. Tha tính vọng tướng nghĩa là nơi kia vọng tướng tự tính.

Lại nữa vọng phân biệt lấy cái gì phân biệt, tại sao ? Lấy ý niệm gì thủ ý niệm gì, lấy sự kiêu

mạn gì, lấy giả danh gì, lấy cái gì đặt để danh nghĩa ?

Lấy ý niệm cho nên trong tha tính kia niệm thủ kiến, mạn kia phân biệt khởi khẩu nghiệp.

Kiến v.v.. 4 thứ là hành nghiệp thế gian, cho nên chẳng có nghĩa mà nói an lập, đó là phân biệt vọng tưởng.

Ba tính này cùng khởi hay không cùng khởi, khác nhau hay không khác nhau ?

Nên nói bằng một nghĩa khác tương cận. Vì tướng tha tính là nghĩa khác của tha tính. Kia cũng là nghĩa khác của vọng phân biệt.

Kia cũng là nghĩa khác nào của thành tựu chẳng ?

Là lấy tha tính làm chủng tử huân tập tha tính, sinh nhân của tha tính.

Có danh nghĩa nào khác ?

Vì kia vọng phân biệt như vậy và vọng phân biệt cùng với các nhân phân biệt.

Vì có nghĩa gì ?

Tùy kia phân biệt như vậy, như sở phân biệt như vậy, kia hằng không có nghĩa.

Có bao nhiêu thứ tha tướng ?

Lược nói có 2 thứ : 1.Huân chủng tử tha tướng, 2.Nhiễm tịnh tính bất thành tha tướng. Vì có 2 thứ tha tướng như vậy nên nói là tha tướng.

Tính vọng phân biệt cũng có 2 thứ : 1.Tính phân biệt, 2.Thắng phân biệt, nên là phân biệt.

Tính thành tựu cũng có 2 thứ : 1.Tính thành tựu, 2. Tịnh thành tựu.

Phân biệt lại có 4 thứ : 1.Tính phân biệt, 2.Thắng phân biệt, 3.Giác phân biệt, 4.Bất giác phân biệt.

Giác phân biệt là hiểu nghĩa rõ ràng khéo léo. Bất giác phân biệt là không hiểu nghĩa một cách khéo léo rõ ràng.

Lại có 5 thứ : 1.Dựa vào tên mà phân biệt nghĩa, tức là tên gọi như thế này thì nghĩa như thế này. 2.Dựa vào nghĩa mà phân biệt tên, tức là nghĩa này thì có tên này. 3.Dựa vào tên này mà phân biệt với tên khác, tức là phân biệt tên mà không quyết định nghĩa. 4.Dựa vào nghĩa này mà phân biệt với nghĩa khác, tức là phân biệt nghĩa mà chưa quyết định tên. Kia dựa vào cả hai mà phân biệt, tức là nghĩa này như vậy, thân có tên như vậy.

Vì bao gồm tất cả nghĩa nên lại có 10 thứ phân biệt : 1.căn bản phân biệt, tức thức A-lê-da, 2.Tướng phân biệt, tức sắc thức v.v... 3.Niệm hiện tướng phân biệt, tức các thức cùng dựa vào nhãn thức v.v... 4.Niệm phân biệt, tức như già v.v...tham lạc thụ v.v...chuyển biến khi bị quấy nhiễu v.v...những nẻo đường và các cảnh giới khác của cõi Dục. 5.Phân biệt các sự việc hiện tướng, tức như nói các tướng khác lạ đem lại sự phân biệt, như không nghe chính pháp và người nghe chính pháp có tâm phân biệt. 6.Không vắng lặng tư duy, tức nói người không nghe chính pháp, như các ngoại đạo. 7.Vắng lặng tư duy, tức nói những người đồng nghe chính pháp. 8.Phân biệt không đúng đắn, tức không chính ý tư duy, thân kiến v.v...62 kiến. Đồng thuận kia phân biệt, tán phân biệt. Nghĩa là chư Bồ-tát có 10 thứ phân biệt : Phi sự tướng tán. Sự tướng tán. Chính an tán. Hủy báng tán. Nhất hướng sự tán. Dị sự tán. Tính tán. Tùy danh nghĩa tán. Và tùy nghĩa danh tán. Các tán sự trong 10 câu này, vì đối trị nên nói là trí vô phân biệt. Trong tất cả các Bát-nhã Ba-la-mật nói các chương và đối trị như vậy. Phải biết đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật. Như vậy là đã giải

thích xong nghĩa tương cận của 3 thứ tướng tha tính.

Thế nào là 3 thứ tính vô sai biệt không thành ?

Tùy nghĩa khác mà tha tính chẳng phải vọng phân biệt kia nên không thành. Tùy nghĩa khác mà vọng phân biệt chẳng phải tha tính kia nên không thành. Tùy tên khác mà thành tựu, như vậy chẳng phải tha tính, chẳng phải vọng tướng.

Làm sao biết được cái tướng tha tính là do tính hư vọng phân biệt hiện khởi, không phải thể tính như vậy ?

Vì bản danh lìa tuệ và nhân của tự diệt. Vì nhiều tên. Vì nhân của nhiều thân mâu thuẫn nhau. Vì nhân của tên bất định các uế thân mâu thuẫn nhau. Ở đây có bài kệ như sau :

*Vì bản danh không tuệ,  
Vì nhiều và bất định.  
Thành kia tự nhiều thân,  
Vì uế thân mâu thuẫn.  
Giác ngộ thấy các pháp,  
Và thấy các nhiễm tịnh,  
Phải biết như ảo hóa,  
Và cũng như hư không.*

Lại nữa vì nghĩa gì có như vậy mà nói tướng tha tính tất cả không thành ? Vì nếu kia không thì tính thành tựu cũng không. Như vậy tất cả mọi sự không thành. Tha tính và thành tựu tính không, cho nên nhiệm tịnh không, mà sự việc thấy có nhiệm tịnh. Vì vậy không phải tất cả là không. Ở đây có bài kệ như sau :

*Tha tính đã không,  
Thành tựu tất cả.  
Vô sự thường thời,  
Nơi các nhiệm tịnh.*

Sở dĩ có như vậy nên chư Phật Như Lai đã nói trong Đại Thừa Phương Quảng.

Làm sao biết tính vọng phân biệt là như thế nào ?

Không có một tên hay một nghĩa tiếp cận nào có thể biết.

Vậy làm sao biết cái tướng tha tính ?

Nên biết qua các thí dụ như ảo hóa, sóng năng, chiêm bao, ảnh tượng trong gương, tiếng vang trong hang sâu, bóng trăng trong nước v.v...

Làm sao biết tính thành tựu có 4 thứ tịnh pháp ?

Bốn tịnh pháp là : 1. Tính tịnh, tức là chân như, không, thật tế, vô tướng, chân thật nghĩa và pháp giới. 2. Ly cấu tịnh, tức kia lìa tất cả chương cấu. 3. Đắc hành tịnh, tức tất cả pháp Bồ-đề phần và Ba-la-mật v.v... 4. Sinh nhân niệm tịnh, tức nói pháp Đại thừa. Như vậy vì tịnh nhân kia cho nên chẳng phải vọng tưởng, vì nhân khí tịnh pháp giới nên chẳng phải tha tính. Như vậy 4 pháp này bao gồm tất cả các tịnh pháp. Ở đây có bài kệ như sau :

*Huyễn v.v...nên nói sinh,  
Vọng chấp : nói không có.  
Bốn pháp thanh tịnh này,  
Là thanh tịnh chân thật.*

Tự tính thanh tịnh lìa các tướng niệm hành nghiệp cấu uế, bao gồm 4 nghĩa thanh tịnh kia.

Lại nữa vì tướng gì mà tướng tha tính được dụ như ảo thuật v.v... ?

Vì ngoài ra còn các ý tưởng điên đảo vọng chấp trong tướng y tha.

Thế nào là những ý nghi ngờ điên đảo trong tướng tha tính ?

Đó là những ý nghi ngờ như thế này : Vì sao không có nghĩa này mà hiện thành cảnh giới ?



Là vì để trừ mỗi nghi nên nói ví dụ như ảo thuật.

Vì sao không có nghĩa mà thành có tâm tâm số ?

Để trừ mỗi nghi này nên nói ví dụ như sóng nắng.

Vì sao không có nghĩa này mà có chịu những sự đáng ưa không đáng ưa ?

Để trừ nghi này nên nói ví dụ như chiêm bao.

Vì sao không có nghĩa này mà có nghiệp tịnh bất tịnh, quả ái bất ái, việc thuận không thuận ?

Để trừ mỗi nghi này nên nói ví dụ như ảnh trong gương.

Vì sao không có nghĩa này mà có các thức thuận duyên sự ?

Để trừ mỗi nghi này nên nói ví dụ như bóng sáng.

Vì sao không có nghĩa này mà có các thứ giả danh ngôn ngữ ?

Để trừ mỗi nghi này nên nói ví dụ như tiếng vang.

Vì sao không có nghĩa này mà thật sự có thể thủ cảnh giới Tam-muội ?

Để trừ mối nghi này nên nói ví dụ như bóng trắng trong nước.

Vì sao không có nghĩa này mà chư BỒ-tát thủ ý không điên đảo, thụ sinh để làm việc lợi ích chúng sinh ?

Để trừ mối nghi này nên làm những việc như ứng hóa.

Như vậy là có nghĩa gì ?

Như trong Kinh Phạm Vương có nói : Ta không thấy thế gian, không chứng Niết-bàn. Vì vọng phân biệt trong tính tha tướng và nhân của tính thành tựu, nên nói thế gian và Niết-bàn không khác. Như vậy đối với vọng phân biệt của tướng tha tính kia mà nói là thế gian, đối với tính thành tựu nên nói là Niết-bàn.

Như trong A-tì-đàm, Phật nói có 3 pháp: nhiễm phần, tịnh phần, cả hai phần.

Nói như vậy là có nghĩa gì ?

Nghĩa là tính vọng tướng trong tha tính là phần nhiễm não. Tính thành tựu là phần tịnh. Trở về tha tính kia là cả hai phần. Vì nghĩa này mà nói như vậy.

Trong nghĩa này cái gì nói thị hiện vàng chứa trong đất ?

Nói vàng chứa trong đất có thấy 3 nghĩa : một là cỏi đất, hai là đất, ba là vàng. Có cỏi đất nên thấy đất và thấy vàng. Nếu cho vào lửa thì không thấy đất chỉ thấy vàng. Khi thấy cỏi đất là đất, tức không phải thấy đúng. Khi thấy vàng, tức chẳng phải thấy thật. Vì cỏi đất có 2 phần. Như vậy lửa trí vô phân biệt này tiếp xúc với thức kia rồi, thức kia thấy tính hư vọng phân biệt thì không thấy tính thành tựu. Lửa trí vô phân biệt tiếp xúc với thức kia, thật thì thấy tính thành tựu mà không thấy tính vọng phân biệt. Vì vậy thành có 2 phần là thức vọng phân biệt và tướng tha tính như vàng chứa trong vàng đất vậy.

Như Lai hoặc nói tất cả pháp là thường, hoặc nói tất cả pháp là vô thường, hoặc nói chẳng phải thường chẳng phải vô thường.

Vì ý gì nói là thường ? Tướng tha tính, thành tựu, phân biệt nên nói là thường. Vọng phân biệt nên là chẳng phải thường. Cả hai phần nên chẳng phải thường chẳng phải vô thường.

Vì ý ấy nên nói thường vô thường không hai, khổ vui không hai, tịnh bất tịnh không hai, không bất không không hai, hữu ngã vô ngã không hai, định bất định không hai, hữu tính vô tính không

hai, có sinh không sinh không hai, diệt bất diệt không hai, hằng định không hằng định không hai, tính diệt không tính diệt không hai, thế gian Niết-bàn không hai. Những câu sai biệt như vậy là tất cả mật ngữ của chư Phật. Các câu về 3 tính này nên tùy thuận mà hiểu biết. Ở đây có bài kệ nói về các câu như thường v.v... như sau :

*Như các pháp là không,  
Và thấy chẳng phải một.  
Pháp và chẳng phải pháp,  
Là nói nghĩa không hai.  
Một phần là sự tướng,  
Nói tên là sự tướng.  
Hai phần không gọi sự,  
Chẳng sự, chân thật nói.  
Như thấy chẳng như có,  
Vì thế nói là thấy.  
Như vậy kia cũng thấy,  
Cho nên nói là không.  
Tự thể, tự không có,  
Không trụ trong sự tướng.  
Thủ là vốn cũng không,  
Nên nói là vô tính.  
Là thành nghĩa vô tính,*

*Y theo nghĩa thượng thượng.  
Không sinh cũng không diệt,  
Vì tính hằng tịch diệt.*

Nhưng có 4 ý thú và 4 thứ mật ngữ của Phật, nên lần lượt giải thích :

1. Pháp đồng ý thú. Nghĩa là ta từ thuở vô lượng vô biên, hiệu là Tì-bà-thi Chính Chân Chính Giác.

2. Thời tiết ý thú. Nghĩa là nếu xưng danh hiệu Đa Bảo Như Lai sẽ định trong A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề. Như Kinh Vô Lượng Thọ nói : Nếu có chúng sinh nguyện sinh thế giới Vô Lượng Thọ liền được sinh.

3. Trong nghĩa nghe ý thú. Như kinh nói : Cúng dường bao nhiêu hằng sa, cúng dường thân cận rồi mới hiểu nghĩa Đại thừa.

4. Thuận chúng sinh tâm ý thú. Nghĩa là hoặc có chúng sinh khen ngợi hạnh bố thí, sau trở lại chê bai. Nói bố thí như vậy, trì giới cũng vậy và nói các pháp tu khác cũng vậy.

Vì vậy nói 4 thứ ý thú.

Bốn thứ mật ngữ tuần tự là :

1. Khuyến phát tiệm thứ. Nghĩa là chúng sinh trong Thanh Văn thừa, trong Đại thừa, pháp tính

thù thắng cho nên tuần tự giảng nói thuận theo lý thể đế.

2. Tướng tiệm thứ. Nghĩa là tùy trong pháp tướng mà chỉ bày tướng 3 tính.

3. Đối trị tiệm thứ. Nghĩa là tùy chỗ giảng nói 8 vạn 4 ngàn hành tướng của chúng sinh.

4. Phát nguyện tiệm thứ. Nghĩa là tùy chỗ giảng nói các nghĩa khác, các nghĩa của ngôn ngữ, âm thanh, văn tự. Ở đây có bài kệ như sau :

*Chẳng thật mà làm thật,  
Khéo trụ trong điên đảo.  
Giỏi nhiệm phiền não nên,  
Được vô thượng Bồ-đề.*

Muốn giải thích kinh Đại thừa thì phải dùng 3 thứ tướng sai biệt. Sơ lược như sau : 1.Nói về duyên sinh. 2.Nói về tướng các pháp do nhân duyên sinh. 3.Nói về dùng ngôn ngữ nghe hiểu nghĩa.

Trong đây nói nhân duyên nhóm họp là như nói do huân tập sinh các pháp, các pháp sở sinh trở lại trong báo thức kia cứ thuận tự duyên lẫn nhau mà sinh khởi. Kia lại thuận thức tướng các pháp, đồng niệm kiến thức tính, nhưng kia là ức trì tướng, phân biệt tướng và pháp thể tướng. Cho

nên lấy đây làm rõ 3 thứ tính tướng. Như nói đồng niệm kiến, tức kia biết 3 tướng.

Vì sao tướng kia lại giải thích tướng phân biệt ?

Trong tha tính thì có. Trong thành tựu tính thì không. Cả hai thì cả có và không. Có giác không giác, có kiến không kiến, chân thật đồng thời. Kia dựa trong tha tính.

Chẳng phải chúng sinh phân biệt, chúng sinh thành tựu là hành kia giác nên kia không giác, như nói thành tựu trong phân biệt, tha tính. Nơi đó có không giác và có giác.

Lược nói giải thích nghĩa nhị biên, nghĩa là câu trước đã nói, các câu khác làm rõ sự phân biệt ấy, như là vì công đức tăng thượng, hoặc là vì nghĩa tăng thượng.

Công đức tăng nghĩa là nói công đức của Phật là thiện giác tuệ, là hành bất nhị, vô tướng pháp, cứu cánh Phật hạnh, được tất cả Phật pháp, đến chỗ không chướng ngại đạo, pháp không thoái chuyển, cảnh giới không chướng, trụ bất tư nghi, đạt được thân biến khắp tất cả thế giới trong 3 đời, tất cả pháp không nghi, biết tất cả thành tựu tuệ không nghi, biết các pháp biết vô phân biệt,

trí chính thụ của tất cả Bồ-tát, Phật hạnh bất nhị, được tối cứu cánh, không lìa Như Lai, giải thoát tận trí, đến trong Phật địa vô biên, thông đạt pháp giới, tận cùng cõi hư không. Thiện giác của Phật nên biết là câu này được các câu khác giải thích. Như vậy là khéo nói về pháp thể. Thiện giác tuệ này nên biết là gồm 19 thứ công đức của chư Phật Như Lai : công đức vô phân biệt, trong trí hoàn toàn không chướng ngại, công đức sự phi sự 2 tướng chân như cực kỳ thanh tịnh, nói hạnh sở tác tự nhiên không nơi nghỉ của Phật, công đức vô phân biệt của nghiệp thân tâm trong pháp thân, công đức đối trị tất cả chướng, công đức hàng phục tất cả ngoại đạo, công đức sinh trong thế gian không bị nhiễm pháp thế gian, công đức trụ trong chính pháp, công đức thụ ký, công đức thị hiện báo thân ứng thân trong tất cả thế giới, công đức quyết nghị, công đức chủng chủng hành nhập, công đức sinh pháp trí vị lai, công đức tùy tín thị hiện, công đức hiện vô lượng thân hóa độ chúng sinh, công đức đồng pháp thành Ba-la-mật, công đức tùy tín thị hiện các cõi Phật khác, công đức 3 thứ Phật thân thuyết pháp không gián đoạn,



cho đến vô lượng công đức giúp tất cả chúng sinh được an vui trong cõi thế gian. Nhân đó mà nói.

Nghĩa tăng thượng là như kinh có nói : Bồ-tát thành tựu 32 pháp nên gọi là Bồ-tát. Vì tâm tâm giúp ích làm lợi lạc, đối với tất cả chúng sinh khiến nhập nhất thiết trí, tâm mình diệt ngạo mạn, tâm tâm thuần hậu, tâm bình đẳng không tạo ân ái ân oán, hằng thân thiện, cho đến Niết-bàn luôn luôn có thái độ tươi cười trước, không dứt bỏ tâm ấy, nên hứa điều gì thì thực hiện không nghĩ, không từ mỗi mệt, nghe nghĩa lý không chán, tự thấy lỗi mình, không nói lỗi người, tất cả oai nghi thực hành tâm Bồ-tát, bố thí không cầu người đáp trả, tu hành giữ giới không nhắm đến các nẻo đường còn sinh tử, nhẫn nhục không giận dữ với tất cả chúng sinh, tập hợp tất cả pháp thiện căn để tinh tiến, lìa bỏ thiên cỗi Vô sắc, thuận theo trí phương tiện, lấy tứ nhiếp pháp gồm thâu các phương tiện, không có 2 tâm đối với người phá giới và giữ giới, siêng năng nghe chính pháp, thích ở nơi thanh vắng, không thích các lạc thú thế gian, không mê thích Tiểu thừa, thấy Đại thừa là lợi ích lớn, xa lìa ác tri thức, thân cận thiện tri thức, thanh tịnh 4 phạm hạnh, vận dụng tự tại 5

thần thông, dựa vào trí tuệ, không bỏ chúng sinh dù chính hạnh hay không chính hạnh, lời nói nhất định, lời nói trọng sự thật, Bồ-tát lấy tâm làm đầu.

Như vậy trong các câu là các chi tiết của câu đầu. Nên biết trợ lực thâm tâm tức là trợ lực thâm tâm đối với tất cả chúng sinh. Có 16 thứ tác nghiệp khác nhau. Mười sáu thứ ấy là : Làm liên tục. Làm không thoái lui. Tự làm không đợi người khuyên bảo. Làm không giận tức. Làm không cầu báo đáp. Ba câu không mong báo đáp, có ích, không ích, không giận không vui, cho đến đời sau tương tự như khẩu nghiệp. Có 2 câu trong khổ vui không hai, làm bình đẳng. Làm không khiếm nhược. Làm không thoái chuyển. Làm có phương tiện. Làm trừ chướng. Hai câu liên tục không dứt, nghĩ tâm kia mà làm. Làm đến kết quả. Bảy câu chính hạnh tu hành 6 Ba-la-mật và gồm các chính hạnh. Làm hạnh thành tựu. Sáu câu thân cận tri thức. Nghe chính pháp. Ưa nơi thanh vắng. Bỏ ác giác tâm. Công đức chính niệm. Hai câu công đức Đại thừa. hai câu thành tựu tác sự. Ba câu vô lượng thanh tịnh, được sức tăng ích, được chúng công đức. Khiến kia trụ tác

sự 4. Đem công đức chúng sinh trừ nghi. Dạy tâm nhiếp thủ tài pháp. Không tạp tâm. Nên biết những câu ấy giải thích các sai biệt của câu đầu tiên. Như kinh nói : Y vào câu đầu tiên có những câu nói về các công đức. Y vào câu đầu tiên có các câu giải thích nghĩa khác. Như vậy là đã giải thích về trí tướng.

LUẬN NHIẾP ĐẠI THỪA  
Quyển Thượng  
( Hết )

LUẬN NHIẾP ĐẠI THỪA  
Quyển Hạ

*A-tăng-già tạo luận*  
*Hậu Ngụy, Phật-đà-phiến-đa dịch ở Lạc Dương*  
*Nguyên Hồng dịch tiếng Việt*

Thế nào là nhập trí tướng ?

Nơi y chỉ của các đa văn huân tập, không thuộc thức A-lê-da mà như A-lê-da huân thành chủng tử. Nó thuộc về tịch tĩnh tư duy, các pháp

nghĩa hiện tướng sở sinh, khả thủ, sự, xứ, có ý thức phân biệt.

Ai là người ngộ nhập trí tướng ?

Là người đa văn liên tục huân tập Đại thừa, được thân cận vô lượng và nhất tâm tin tưởng, khéo tập hợp các công đức thiện căn.

Trí hành Bồ-tát từ đâu ngộ nhập ?

Kia hiện kiến pháp nghĩa, hiện tướng tư duy, nhân pháp Đại thừa mà phát sinh, trong bậc tín giải kiến đạo, thực hành tu đạo cho đến đạt được tất cả pháp là duy thức. Do tùy thuận nghe và tin, do phân biệt chứng đắc, đối trị tất cả chướng và lìa chướng.

Do đâu ngộ nhập ?

Do duy trì sức thiện căn, chuyển minh 3 tướng của tâm, chủng chủng trang nghiêm diệt, tất cả mọi thời, chính hành niệm pháp nghĩa định tuệ và không buông lung phóng túng. Vô lượng các loài chúng sinh trong thế giới, trong vô lượng mỗi niệm mỗi niệm, thành A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề.

Người mới chuyên tâm thì tùy tâm hành bồ thí v.v...tập hợp hạnh Ba-la-mật. Tâm kia ta đã

được cho nên ta không dùng thêm các Ba-la-mật, tu đạo có thể viên mãn.

Người chuyên minh thứ hai thì các thiền pháp đã thành tựu. Sau khi chết sẽ được tùy chỗ thụ thân. Đó là với người còn có chướng thiện căn, huống ta khéo tu thiện căn, được vô chướng thiện căn thì tất cả thế lực không cản trở được.

Người chuyên minh thứ ba, ở đây có bài kệ như sau :

*Loài người được Bồ-đề,  
Trong mỗi niệm mỗi niệm,  
Chúng sinh vô số lượng,  
Thời đến là bỏ đi.  
Tùy tâm mà hành thí,  
Tâm thanh tịnh không nhớ.  
Kia được tâm chính hạnh,  
Mạnh mẽ bố thí thành.  
Người thiện sau khi chết,  
Sức mình tùy theo tâm.  
Người thiện sau khi chết,  
Sức kia sao lại không ?*

Bỏ cái tâm Thanh Văn, Duyên giác, dứt niệm, đối với Đại thừa dứt bỏ mọi nghi hoặc, nghe và tư duy các pháp, dứt trừ ngã tướng, các chấp tướng

ngã và ngã sở, diệt pháp kiêu mạn, hiện tiền an trụ không niệm không phân biệt và diệt phân biệt. Ở đây có bài kệ như sau :

*Trước mặt tùy các thứ,  
Tướng, niệm nơi trụ xứ,  
Trí đều không phân biệt,  
Được vô thượng Bồ-đề.*

Làm sao ngộ nhập cái nghiệp văn huân tập kia ?

Vắng lặng tư duy pháp và nghĩa, tư duy hiện tướng, suy tìm 4 thứ : danh, nghĩa, tự tính và thắng an, suy tìm 4 thứ tri kiến như thật. Như thật kia là không thể được, cho nên Bồ-tát nhập duy thức tùy thuận tu tập. Tư duy danh và nghĩa của hiện tướng kia, danh kia là tư duy chính quán, cái nghĩa mà cái tên lấy làm sở y, chỉ là tư duy chính quán, nhưng tự tính của cái tên kia và thắng an chỉ là quán. Cuối cùng tư duy về danh, nghĩa, tự tính, thắng an đều không thể được.

Bốn thứ suy tìm và 4 thứ quán này đã biết danh, nghĩa, hiện tướng của chúng là tư duy trong duy thức, chúng đã nhập và sẽ nhập vào trong thức. Chúng có 2 tướng phần và kiến phần và các thứ nhập vào như danh, nghĩa, tính, thắng nghĩa,

6 thứ tướng đều không có thật nghĩa. Sự hiện khởi có tướng sở thủ năng thủ liên tục không gián đoạn, nhưng chỉ là hiện tướng sở sinh. Như trong tôi thấy sợi dây là con rắn. Nói như sợi dây, con rắn đều không thật vì không phải chúng sinh ra. Vậy cái nghĩa của sự hiểu biết đó là phi hữu, chẳng có nghĩa hiện hữu. Tránh cái tư duy con rắn, dùng tư duy nơi sợi dây, thì kia cũng chỉ là cái tướng suy lường của sắc, hương, vị, xúc, cho nên trong đó cái tuệ dựa vào là cái tuệ biết đó là sợi dây, cũng phải tránh mới thành. Như thế 6 thứ tướng đây gọi là hiện tướng. Trong tư duy như cái tuệ biết là sợi dây, thật nghĩa thật xứ của 6 thứ tướng chỉ là tuệ của duy thức, cũng là tuệ của tính tư lương, tính thành tựu .

Như vậy là Bồ-tát ngộ nhập tư duy hiện tướng nghĩa tướng, ngộ nhập tính phân biệt, thành ngộ nhập chủ thức.

Làm sao tha tính nhập vào tính thành tựu ?

Tránh cái tướng duy thức. Chúng là các tư duy do nghe pháp huân tập. Bồ-tát lúc bấy giờ phân biệt nghĩa tướng thấy tất cả nghĩa tướng không sinh, cho nên hiện tướng duy thức cũng không sinh. Vì vậy tất cả nghĩa vô phân biệt gọi

là trụ. Bảy giờ BỒ-tát đồng niệm bình đẳng, phát sinh trí vô phân biệt. Vì vậy BỒ-tát này gọi là nội nhập tính thành trụ. Ở đây có bài kệ như sau :

*Pháp, chúng sinh, pháp nghĩa,  
Nghĩa có tính chung riêng.  
Cho đến tịnh, bất tịnh,  
Phân biệt là cảnh giới.*

Như vậy trí BỒ-tát này đã ngộ nhập tướng duy thức, ngộ nhập như vậy là trụ vào Hoan hỷ địa, khéo đạt pháp giới và sinh vào nhà Như Lai, được tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sinh, được tâm bình đẳng của tất cả BỒ-tát. Đó là địa vị kiến đạo của BỒ-tát.

Phật vì nghĩa gì nhập duy thức xứ, lìa niệm pháp kia ?

Đó là trí định tuệ xuất thế gian, nhờ được các tướng thức trí đồng tướng, tất cả nhân chủng tử thức A-lê-da diệt, nên pháp xúc chủng tử tăng trưởng đã chuyển thân. Tất cả Phật pháp tập hợp nhập vào trí nhất thiết trí, nhờ sở đắc trí kia, tất cả tướng xứ của thức A-lê-da, đều thấy như huyền v.v...nên không điên đảo. Vì vậy BỒ-tát kia ví như nhà ảo thuật. Nghĩa xứ tương đồng, tuy có nhân quả, mọi thời giảng nói không điên đảo.



Kia trong khi nhập duy thức, lấy 4 thứ thiên định làm sở y.

Làm sao biết được 4 thứ toàn tướng pháp ?

Vì do 4 thứ tìm cầu, nếu không có thân thì trong nhãn không có ánh sáng Tam-muội. Y vào noãn, tăng ánh sáng trong nhãn, thì được quang minh tăng trưởng Tam-muội. Trên y vào 4 thứ như thật, quán nhập vào trong duy thức, dùng vô nghĩa quyết định tâm, trong chân thật, nhập vào tất cả Tam-muội, y thuận để nhãn. Từ đây về sau, duy thức tướng tư lương kia, lần lượt các Tam-muội, y thế gian thượng pháp quán kiến. Nên biết đây là các Tam-muội của những hành giả gần nhập địa. Như vậy nhập địa là được kiến đế.

Bồ-tát nhập duy thức, hành tu đạo như thế nào ?

Tùy chỗ phân biệt nói có 10 địa. Mười địa này gồm thấu tất cả kinh giáo hiện có. Do các niệm xuất thế gian khác nhau và nhờ kinh giáo kia tu tập được định trí tuệ, trải vô lượng trăm ngàn ức kiếp tu tập như vậy, sau khi chuyển thân được 3 thứ Phật thân.

Vì để chứng đắc nên tu hành, vậy pháp chứng đạo của các Thanh Văn với của các Bồ-tát , hai pháp này có gì khác nhau ?

Chứng nhập trong Thắng Thanh văn, chứng nhập Bồ-tát có 11 thứ thắng sự :

1. Niệm thắng, nghĩa là nghĩ nhớ pháp Đại thừa.

2. Thuận chí thắng, nghĩa là công đức lớn trợ giúp một cách thuận thành.

3. Chứng thắng, nghĩa là chứng chúng sinh pháp là vô ngã.

4. Niết-bàn thắng, nghĩa là nhiếp thủ ý chí không trụ Niết-bàn.

5. Địa thắng, nghĩa là đến tận địa thứ 10.

6. Tịnh thắng, nghĩa là diệt phiền não huân tập, khiến thế giới Phật thanh tịnh.

7. Tất cả chúng sinh đều được ký tâm thắng, nghĩa là hạnh giáo hóa chúng sinh không tuyệt dứt.

8. Sinh thắng, nghĩa là sinh vào nhà Như Lai.

9. Thủ sinh thắng, nghĩa là tất cả mọi thời đều được sinh nhằm Đại tập hội của thế giới chư Phật.

10. Quả thắng, nghĩa là thành tựu vô lượng công đức của 10 lực, 4 không sợ hãi, 18 pháp không chung. Ở đây có bài kệ như sau :

*Là khách thể cho nhau,  
Nên tìm danh và nghĩa .  
Chỉ tìm nơi sự tướng,  
Phân biệt lập thành hai.  
Nếu tri kiến như thật,  
Lìa phân biệt ba nghĩa.  
Thấy kia là chẳng phải,  
Không có ba sở chấp.  
Dụ như thuận phân biệt,  
Lại có kệ dạy bảo.  
Ý nói ảnh trong gương,  
Bồ-tát trong các định.  
Tránh nghĩa kia tưởng mình,  
Ôm giữ việc hồi ức.  
Trụ tâm ở bên trong,  
Biết không có sở thủ.  
Và năng thủ cũng không,  
Vô phân biệt thì biết.*

Lại có bài kệ chứng đạo được nói trong Luận Đại Thừa Trang Nghiêm như sau :

*Tập hạp vô biên hạnh,*

*Bồ-tát đủ đức trí.  
Tư duy quyết định pháp,  
Ngôn ngữ đạt hết nghĩa.  
Biết được nghĩa đúng rồi,  
An trụ nơi định tâm.  
Vì pháp giới hiện rồi,  
Nên phải là hai tướng.  
Lìa tâm không gì khác,  
Biết tâm ấy cũng không.  
Cả hai đều là không,  
Chính là trụ pháp giới.  
Sức vô phân biệt trí,  
Đồng thời thường đồng hành.  
Thân là ổ tội hoạn,  
Tựa như diệt các độc,  
Mâu-ni thuyết chính pháp,  
Khéo trụ ý tư duy  
Nơi căn bản pháp giới,  
Niệm đến ý trí tri.  
Phân biệt đúng nghĩa thú  
Mau đạt đến công đức.*

Như vậy đã nói xong về nhập trí tướng. Vậy nhân quả của nó như thế nào ?

Do 6 Ba-la-mật, tức bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định và trí tuệ.

Vì sao do 6 Ba-la-mật này nhập vào duy thức được ? Và vì sao 6 Ba-la-mật là thành quả nhập duy thức ?

Đó là BỒ-tát với thí không chấp trước, với giới không phá, với khổ không giận tức, với sự tu tập không lười biếng. Không làm các loạn nhân như vậy, vì nhân không làm, nên cứ vắng lặng tư duy các pháp, nhập vào duy thức rồi, y vào 6 Ba-la-mật và nhập duy thức, nên BỒ-tát thâm giữ tịnh tâm sâu xa, được 6 Ba-la-mật. Trong khi thực hành 6 Ba-la-mật, thuận thuyết tín, lạc cầu tùy hỷ, được lợi nhuận ly nhân, BỒ-tát từ trong Đại thừa nói thâm nhập Đại thừa , duy phân biệt chính giác được trí vô phân biệt.

*Dục tín tịnh tâm minh,  
Vốn là pháp giác ngộ.  
Mười địa gần Bồ-đề,  
Chẳng nhờ tự nhiên được.*

Vì nghĩa gì chỉ nói 6 Ba-la-mật ?

Vì đối trị chướng, an lập sai biệt, vì là cơ sở của tất cả Phật pháp và vì tùy thuận giáo hóa chúng sinh. Để đối trị tướng không động nên nói

Đàn Ba-la-mật và Thi-la Ba-la-mật. Tướng không động nghĩa là không tham đắm của cải nhà cửa ở đời. Động là tránh tướng đối trị nên nói, tức Sằn-đề Ba-la-mật và Tì-li-da Ba-la-mật. Tránh tướng nhân, tức là chúng sinh trong thế gian tạo các ác nghiệp, chịu khổ dài lâu, và đối với việc tu hành thiện pháp thì sinh mệt mỏi, nên để phát khởi sự đối trị sự lỗi lầm, tức là Xà-na Ba-la-mật và Bát-nhã Ba-la-mật. Tướng lỗi lầm tức loạn tâm và vô trí. Vì số đối trị chướng sai biệt như vậy nên 4 Ba-la-mật là tướng không tán động. Một Ba-la-mật là thành tướng không tán động. Do y nơi tán động nên chính pháp như thật của chư Phật, tập hợp Phật pháp có các sai biệt. Như dùng Đàn Ba-la-mật làm lợi ích chúng sinh, Thi-la Ba-la-mật không làm ác, chịu đựng nhẫn nhục, Tì-li-da Ba-la-mật làm việc đến nơi đến chốn. Những việc lợi ích giáo hóa chúng sinh mà điều phục chúng sinh, sau đó người chưa nhập định tâm thì khiến nhập định tâm, người đã nhập định tâm, để được giải thoát thì khuyến khích được giải thoát. Như vậy phải biết có nhiều cách sai biệt khác nhau để giáo hóa chúng sinh.

Nhưng làm sao biết tướng các Ba-la-mật này ?

Bởi vì chính 6 Ba-la-mật là chỗ y cứ cao tốt của tâm Bồ-tát. Phổ biến khắp cả, không gián đoạn, luôn luôn tăng tiến giúp ích chúng sinh. Là phương tiện khéo léo cao nhất, và tất cả gồm thâm trong trí vô phân biệt. Phát nguyện cao nhất là nguyện được A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề, cho nên thanh tịnh cao tốt, tất cả phiền não trí chướng, tu tập không chướng ngại.

Có bố thí cũng gọi là Ba-la-mật. Có Ba-la-mật mà bố thí chẳng phải Ba-la-mật. Trong bố thí có 4 câu nói như vậy thì trong các Ba-la-mật khác cũng có 4 câu như vậy.

Vì nghĩa gì các Ba-la-mật này được nói theo thứ tự như vậy ?

Ba-la-mật trước theo thuận tự sinh Ba-la-mật sau.

Lại có giải thích vì sao biết tất cả Thanh Văn, Duyên Giác trong thế gian bố thí v.v...thì thiện căn tăng trưởng đạt đến bờ kia. Vì Ba-la-mật phá trừ tâm ganh ghét keo kiệt bản cùng, nên được sức công đức rất mạnh. Bồ thí, trì giới diệt ác đạo khiến được thiện đạo. Tam-muội giới diệt trừ

giận dữ, đem lại yên ổn là nhân. Có năng lực làm xa lìa sự biếng nhác và các pháp bất thiện, tăng trưởng vô lượng thiện pháp, nên tinh tiến phá loạn tướng. Đem lại sự an trụ nội tâm, nên gọi thiền định. Diệt trừ cái trí phủ nhận, thấy tất cả đều không, chân thật không có tướng phân biệt đối với các pháp nên gọi là trí.

Thế nào là sự tu tập các pháp Ba-la-mật này ?

Sự tu tập đại lượng có 5 thứ : Đó là tu tập đồng hành, tu tập tín dục, tu tập tâm chính niệm, tu tập phương tiện khéo léo, tu tập ghi nhớ gìn giữ. Trong đó 4 việc làm như trước đã làm. Tu tập nghĩ nhớ gìn giữ là như chư Phật vận dụng Phật sự một cách tự nhiên, không loạn động, không thôi nghỉ, tu viên mãn các Ba-la-mật rồi tu các tâm niệm hỷ lạc, tùy hỷ, ước niệm v.v...gồm có 6 thứ tâm : tâm tu rộng rãi các pháp tu, tâm không gián đoạn, tâm hoan hỷ, tâm làm việc lợi ích, tâm đại lượng và tâm chân thật. Vì vậy có Bồ-tát tùy số kiếp A-tăng-kì mới được A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề. Trong thời gian như vậy, mỗi niệm mỗi niệm xả bỏ thân mạng và của cải 7 báu đầy trong thế giới nhiều như cát sông Hằng đem ra bố thí chư Phật Như Lai, cho đến khi chưa ngồi



vào đạo tràng, mà cái tâm hành bố thí của Bồ-tát chưa cho là đủ. Lại cũng trong thời gian như vậy, mỗi niệm mỗi niệm lửa cháy đầy trong 3 ngàn đại thiên thế giới, mà hiện 4 thứ oai nghi, tuy thiếu tất cả đồ tư dụng cần thiết mà tâm vẫn giữ trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí tuệ, cho đến khi tọa đạo tràng, Bồ-tát không chán bỏ tâm tu trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí tuệ. Đây là tâm tu rộng rãi của Bồ-tát. Có Bồ-tát tu tâm không biết chán đủ này cho đến khi tọa đạo tràng không gián đoạn, không bỏ. Đó gọi là thân này. Nếu Bồ-tát vì tâm hoan hỷ hành 6 Ba-la-mật lợi ích chúng sinh, chứ không phải chúng sinh vui mừng vì đã được lợi ích. Đó là tâm hoan hỷ của Bồ-tát. Nếu Bồ-tát làm lợi ích chúng sinh, nhiếp thủ 6 Ba-la-mật làm việc lợi ích, thấy chúng sinh được lợi ích như chính thân mình được lợi ích. Đây là tâm làm việc lợi ích của Bồ-tát. Nếu vị Bồ-tát ấy đem tất cả căn lành 6 Ba-la-mật như vậy hồi hướng phát nguyện khiến tất cả chúng sinh được quả báo như mong muốn. Đó là tâm to lớn của Bồ-tát. Nếu vị Bồ-tát ấy đem tất cả căn lành 6 Ba-la-mật như vậy làm cho chúng sinh đồng phát nguyện hướng về A-nậu-đa-la Tam-

miệu-tam-bồ-đề. Đây là tâm chân thật của Bồ-tát. Như vậy 6 thứ tâm bao gồm đó là tâm tu lạc hoan hỷ. Nếu vị Bồ-tát ấy thực hành tu tập 6 thứ tâm, bao nhiêu vô lượng thiện căn đều khiến các Bồ-tát khác tùy hỷ. Như vậy 6 tâm của Bồ-tát thâm nhiếp tâm tùy hỷ khiến tu hành. Nếu vị Bồ-tát ấy thâm nhiếp thứ tâm của tất cả chúng sinh tu tập 6 Ba-la-mật mong cầu thâm nhiếp 6 tâm tu tập 6 Ba-la-mật không rời cho đến khi tọa đạo tràng. Như vậy Bồ-tát thâm nhiếp 6 thứ tâm mong cầu tu tập. Nếu Bồ-tát tu tập thâm nhiếp 6 thứ tâm này, nếu có người nghe biết, rồi phát được một hảo tâm thì công đức sẽ vô lượng và tất cả ác nghiệp chướng đều tiêu diệt, hướng chi là Bồ-tát.

Các Ba-la-mật này có những sai biệt như thế nào ?

Các sai biệt này có 3 tướng. Ba tướng của thí là pháp thí, tài thí và vô úy thí. Ba tướng của giới là giới ngăn chặn các ác hạnh, giới thâm giữ các thiện pháp và giới làm lợi ích chúng sinh. Ba tướng của nhẫn là tác ác nhẫn Sằn-đề, nhẫn khổ Sằn-đề và pháp tư duy nhẫn khổ Sằn-đề. Ba tướng của tinh tiến là dũng mãnh tinh tiến, hành trì tinh tiến và tinh tiến không khiếm nhược không

giận dữ hay vui mừng. Hiện tượng làm ghi nhớ, không phân biệt các hạnh phương tiện, không phân biệt và có phân biệt, và nhờ đó được trí tuệ.

Các Ba-la-mật này ra làm như thế nào ?

Các Ba-la-mật này thâm giữ tất cả thiện căn. Các tướng kia là tùy thuận của Ba-la-mật, là nhân khí của Ba-la-mật.

Các Ba-la-mật này chướng tất cả phiền não như thế nào?

Đó là tướng, nhân và quả của Ba-la-mật.

Các Ba-la-mật này có ích lợi như thế nào ?

Là nếu sinh trong thế gian thì có thể lực hơn mọi người, dòng họ bà con đông, có sự nghiệp lớn, mọi việc thành tựu tốt đẹp, ít nhiễm trần tục phiền não, giỏi về học thuật công xảo, không có ác sự, cho đến khi tọa đạo tràng làm các việc nghĩa lợi cho chúng sinh. Đó là Bồ-tát làm việc lợi ích.

Các Ba-la-mật này phân biệt quyết định lẫn nhau như thế nào ?

Là tùy theo nơi, đôi với tất cả 6 Ba-la-mật, có nơi dùng tiếng Bồ thí mà nói, có nơi lấy tiếng Trì giới mà nói, hoặc tiếng Nhẫn nhục, hoặc tiếng

Tinh tiến, hoặc tiếng Thiên định, hoặc tiếng Trí tuệ.

Như vậy là vì nghĩa gì ?

Vì trong tất cả các hạnh của Ba-la-mật đều hỗ trợ cho nhau. Vì ý đó mà nói như vậy là đã nhập vào nhân tướng quả.

Làm sao biết sự tu hành sai biệt ấy ?

Đó là sự sai biệt 10 địa của Bồ-tát.

Những gì là Hoan hỷ, Ly cấu, Minh tác, Diệm, Nan thắng, Hiện tiền, Viễn hành, Bất động, Thiện tuệ và Pháp vân ? Mười sự sai biệt của các địa như thế nào ?

Phải biết đó là đối trị 10 thứ vô minh làm chướng ngại. Như vậy là vì trong 10 tướng trí và pháp giới có 10 thứ chướng ngại.

Thế nào là 10 thứ tướng trí pháp giới ?

Là nghĩa của tất cả xứ. Trong địa thứ nhất là thượng nghĩa, trong địa thứ hai là nhân thượng nghĩa, trong địa thứ ba là vô sở thủ nghĩa, trong địa thứ tư là nghĩa thân tâm không sai biệt, trong địa thứ năm là nghĩa không phiền não không thanh tịnh, trong địa thứ sáu là nghĩa các pháp không sai biệt, trong địa thứ bảy là nghĩa không hơn không kém, trong địa thứ tám là nghĩa y thân

tướng tự tại và thế giới tự tại, trong địa thứ chín là nghĩa y trí tự tại, trong địa thứ mười là nghĩa y nghiệp tự tại, y Đà-la-ni Tam-muội môn tự tại. Ở đây có bài kệ như sau :

*Là thượng nghĩa và nhân thượng nghĩa,  
Bất nhiếp nghĩa và thân tương tục,  
Vì không nghĩa phiền não nhiễm tịnh.  
Cho đến không nghĩa khác,  
Nghĩa không hơn không kém.  
Y đệ tứ tự tại,  
Trong pháp giới vô minh,  
Hai thứ cho đến mười,  
Mười địa có chương ngại,  
Đối trị nói các địa.*

Nhưng các vô minh này đối với Thanh Văn thì không tạp nhiễm mà đối với Bồ-tát thì có tạp nhiễm.

Vì sao địa thứ nhất gọi là hoan hỷ ? Vì đây là bậc đầu tiên có nghĩa là công đức có khả năng làm lợi ích cho mình và người.

Vì sao địa thứ hai gọi là ly cấu ? Vì ở đây xa lìa sự phá giới như bản.

Vì sao địa thứ ba gọi là minh ? Vì làm chỗ sở y cho Bất động Tam-muội Tam-ma-bạt-đề và sở y của Đại pháp quang.

Vì sao địa thứ tư gọi là diệm ? Vì pháp Bồ-đề phần đốt cháy hết tất cả chướng.

Vì sao địa thứ năm gọi là nan thắng ? Vì siêu vượt Bồ-đề phần, hợp hai thứ mâu thuẫn khó hợp là trí chân đế và trí thế gian làm cho tương ưng nhau.

Vì sao địa thứ sáu gọi là hiện tiền ? Vì dựa vào trí nhân duyên hành Bát-nhã Ba-la-mật làm hiện khởi tác dụng.

Vì sao địa thứ bảy gọi là viễn hành ? Vì đây đã đi đến tận cùng của các hành có công dụng.

Vì sao địa thứ tám gọi là bất động ? Vì tất cả tướng đều không động.

Vì sao địa thứ chín gọi là thiện tuệ ? Vì được trí biện tài.

Vì sao địa thứ mười gọi là pháp vân ? Vì gồm chứa trí tất cả pháp, tất cả Đà-la-ni Tam-muội môn, như mây như hư không, diệt thượng phiền não chướng, viên mãn pháp thân.

Làm sao chứng đắc trí của các địa này ?

Có 4 thứ tướng. Được tín địa, từ tín thực hành 10 pháp, tuần tự được các địa. Chứng đắc sơ địa, trong đó chứng đắc pháp giới, là chứng tất cả các địa. Thành tựu được các địa, là tu chứng đến tận cùng cứu cánh.

Làm sao nhận biết sự tu tập của các địa ?

Chư Bồ-tát trong mỗi địa tu Xa-ma-tha và Tì-bà-xá-na rồi có 5 thứ tu tập. Những gì là 5 thứ ? Tức tạp tu, vô tướng tu, vô công dụng tu, chuyển minh tu và chuyển chuyển tu. Chư Bồ-tát tu 5 thứ này rồi sẽ được 5 thứ quả. Đó là 1. Trừ diệt các ác. 2. Thân lìa các tướng. 3. Ý được pháp lạc. 4. Ở vô lượng mọi chỗ mọi nơi không bị ngăn trở. 5. Hiện tướng chính pháp quang minh, biết thanh tịnh các tướng phân biệt. Đồng hành với các niệm phân biệt, thành tựu pháp thân viên mãn . Là nhân cao tốt trong các nhân nên phân nhiều trong 10 địa do tu 10 Ba-la-mật mà thành. Trong 6 địa tùy theo chỗ tu 6 Ba-la-mật đó nói có 4 : Phương tiện Ba-la-mật là tập hợp các thiện căn, cùng tất cả chúng sinh phát nguyện hướng về A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề. Nguyện Ba-la-mật là duyên Ba-la-mật dắt dẫn, hiện tướng các nguyện tương lai. Lực Ba-la-mật là năng lực tu bình đẳng 6 Ba-la-

mật, đồng hành không gián đoạn. Trí Ba-la-mật là trí sai biệt của 6 Ba-la-mật đồng thụ báo hóa độ chúng sinh. Nhưng 4 Ba-la-mật này do trí vô phân biệt của Bát-nhã Ba-la-mật nhờ nhiếp thuộc vào trí hậu đắc. Nhưng trong tất cả các địa, không phải không tu tập tất cả Ba-la-mật mà thành nhiếp thuộc trong Ba-la-mật.

Pháp môn này trải qua bao nhiêu thời gian tu hành các địa được viên mãn ?

Có 5 thứ chúng sinh tin tưởng tu hành trong 3 A-tăng-kì kiếp. A-tăng-kì thứ nhất tâm thanh tịnh sâu xa, hành hạnh vô tướng và hạnh hữu tướng có 6 địa và 7 địa. A-tăng-kì thứ hai không hiện tướng, từ đây trở lên cho đến 10 địa. A-tăng-kì thứ ba tu đạo viên mãn thành tựu. Ở đây có bài kệ như sau :

*Vì sức thắng thượng,  
Kiên tâm, thắng trí,  
Bồ-tát ba kì,  
Tu hành đạt tới.*

Như vậy là đã nói xong về tu sai biệt nhân quả. Còn thế nào là thù thắng của giới tăng thượng ?



Như trong Kinh BỒ-tát Địa Trì, phẩm Thụ BỒ-tát giới có lược nói 4 thứ thù thắng. Đó là sai biệt thắng, đồng giới bất đồng giới thắng, thường thắng và thậm thâm thắng. Trong đó sai biệt thắng nghĩa là giới thụ, giới gồm thâm thiện pháp và giới làm lợi ích chúng sinh. Trong đó thường giới là trụ vào nghĩa của 2 thứ giới. Biết giới gồm thâm các thiện pháp trụ vào nghĩa tập hợp Phật pháp, giới làm lợi ích chúng sinh trụ vào nghĩa giáo hóa chúng sinh. Biết đồng giới của Thanh Văn, còn chư BỒ-tát tính trọng thì không đồng. Hành bất đồng giới là chế và trong đồng hành. Trong các giới đó tùy trường hợp Thanh Văn thì phạm mà BỒ-tát thì không phạm, tùy trường hợp BỒ-tát thì phạm mà Thanh Văn thì không phạm. Giới của BỒ-tát phòng phạm cả thân miệng và tâm, còn Thanh Văn chỉ thân và miệng. Cho nên BỒ-tát khởi tâm mong ý là phạm giới rồi, không như chư Thanh Văn. Nói vẫn tất có tất cả chúng sinh ác mà có nghiệp thân miệng ý có lợi ích thì tất cả BỒ-tát đều phải làm. Và trong cái học như vậy, là chỗ thù thắng của chung và không chung.

Phải biết thường thắng còn có 4 thứ. Vì là thường nên giới có vô lượng và nhiều thứ. Vì

thượng nên nhiếp thủ vô lượng công đức. Vì thượng nên là quyến thuộc của tâm làm lợi lạc giúp ích tất cả chúng sinh. Vì thượng nên trụ A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề. Vì thượng nên được vô lượng công đức, mau chóng được A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề.

Trong đó nói thậm thâm tức rất sâu xa, nghĩa là nếu Bồ-tát có những phương tiện khéo léo như vậy, sát sinh v.v...10 thứ nghiệp tu hành vì bởi không ác, được thành vô lượng công đức, mau được A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề. Hoặc ứng hóa thân nghiệp khẩu nghiệp, phải biết đó là giới sâu xa. Vì vậy khi làm quốc vương trị nước, lập ra các thứ bức não chúng sinh là để giáo hóa chúng sinh đặt chúng vào chỗ thiện. Thị hiện các sự bức não, thị hiện các việc lợi ích, hoặc khiến phát tâm, phát tâm rồi thì giáo hóa trước, giáo hóa rồi đem tâm hồi hướng. Đây là chỗ thù thắng sâu xa của giới Bồ-tát.

Như vậy 4 thứ thù thắng, lược nói sự thù thắng về thượng giới của Bồ-tát cần phải biết. Như vậy về sự phân biệt, giới Bồ-tát có vô lượng sai biệt như trong Tì-ni Hương Phương Quảng Tu-đa-la.

Như vậy là đã nói về sự thù thắng của giới tăng thượng rồi, vậy thế nào là sự thù thắng của tâm tăng thượng ?

Vấn tất có 6 thứ sai biệt cần phải biết : niệm sai biệt, chủng chủng sai biệt, nghiệp tác sự sai biệt, hiện khí sai biệt, nghiệp sai biệt.

Nghĩ nhớ pháp Đại thừa nên ánh sáng Đại thừa chứa nhóm tất cả công đức Tam-muội. Tam-muội vương Hiện Hộ, Thủ-lăng-nghiêm v.v... vô lượng các Tam-muội. Trí tạp niệm hiện thuận tất cả pháp. Khiến trừ tất cả chương, các ác trong thức A-lê-da. Thiên định lạc hành rồi thụ sinh về nơi theo ý muốn. Hiện hiện thần thông không trở ngại trong tất cả thế giới. Phóng ánh sáng biến khắp, làm các việc khác lạ, đi lại tự tại, tất cả sắc thân nhập đồng hành, lên xuống ẩn hiện tự tại, thần thông hiện niệm, phóng ánh sáng hiện thần thông lớn, thâm nhiếp tất cả khổ hạnh, hiện 10 thứ khổ hạnh.

Mười thứ khổ hạnh là : Một, thụ hứa khổ hạnh, tức thế nguyện đặc vô thượng Bồ-đề. Hai, bất thoái khổ hạnh, tức các khổ thế gian không làm thoái lui. Ba, bất bội hướng khổ hạnh, tức không quay lưng đối với tất cả chúng sinh làm

các khổ hạnh tà ác. Bốn, hiện khổ hạnh, tức đối với các ác chúng sinh vẫn làm việc lợi ích cho chúng. Năm, bất nhiễm khổ hạnh, tức sinh trong thế gian không nhiễm pháp thế gian. Sáu, tín khổ hạnh, tức tin vào tất cả sự cao cả của Đại thừa mặc dầu chưa hiểu thấu đáo. Bảy, chứng khổ hạnh, tức chứng vô ngã trong chúng sinh pháp. Tám, thuận giác tri khổ hạnh, tức hiểu biết thuận các mật ngữ sâu xa của Như Lai nói. Chín, bất tịch tĩnh bất nhiễm khổ hạnh, tức không bỏ thế gian vì không nhiễm thế gian. Mười, hành khổ hạnh, tức trụ ở nơi giải thoát tất cả chướng của chư Phật, cho đến biên giới sinh tử của chúng sinh, làm tất cả nghĩa lợi một cách tự nhiên cho chúng sinh. Lại thuận sự hiểu biết khổ hạnh, sự hiểu biết các mật ngữ do chư Phật tùy cơ nói ra. Chẳng hạn như nói :

Thế nào là Bồ-tát thành tựu bố thí ?

Là nếu bố thí vô lượng mười phương thế giới mà không có gì bố thí.

Thế nào là thành tựu tâm hoan hỷ bố thí ?

Là nếu tất cả sự bố thí đều không có gì là vui mừng.

Thế nào là thành tựu tín tâm bố thí ?

Là nếu không hành tín tâm đến chư Như Lai.  
Thế nào là thành tựu ý bồ thí ?  
Là nếu khiến tự thân đem bồ thí.  
Thế nào là thành tựu tâm vui mừng bồ thí ?  
Là trong tất cả mọi thời không có gì là bồ thí.  
Thế nào là thành tựu đại sự bồ thí ?  
Là đối với sự bồ thí không khởi tướng kiên cố.

Thế nào là thành tựu sự tăng trưởng bồ thí ?  
Là nếu khởi tâm đồ kỵ.  
Thế nào là thành tựu hết ý bồ thí ?  
Là nếu khi không trụ tâm pháp.  
Thế nào là thành tựu tự tại bồ thí ? Thế nào là thành tựu vô lượng bồ thí ?  
Là nếu không trụ nơi vô tận.

Cũng giống như bồ thí, trì giới v.v... cho đến Bát-nhã Ba-la-mật nên tùy thuận theo đó mà biết.

Thế nào là thành sát sinh ? Là nếu khiến thế gian chúng sinh sát hại. Thế nào là thành trộm cắp ? Là nếu khiến chúng sinh người chưa cho mà tự lấy. Thế nào là thành tà dâm ? Là nếu khiến làm việc tà dâm. Thế nào là thành vọng ngữ ? Là nếu khiến nói dối như nói dối. Thế nào là thành nói thêu dệt ? Là nếu khiến thường hành theo

hạnh không môn. Thế nào là thành ác khẩu ? Là nếu khiến đến trí đáo bỉ ngạn. Thế nào là thành nói hai lưỡi ? Là nếu khiến biết rõ các pháp mà giảng nói năng thuyên. Thế nào là thành tham ? Là nếu khiến tu hành để được pháp thiên định thường và vô thường. Thế nào là thành sân tâm ? Là nếu khiến tất cả phiền não trong tâm khởi hiện hành. Thế nào là thành tà kiến ? Là nếu khiến đến tất cả mọi nơi làm mọi việc như thật, như Phật pháp sâu xa nói rõ trong Kinh Tà Kiến.

Những pháp nào gọi là pháp sâu xa ?

Ở đây có thuyết nói như thế này : Pháp thường trú là pháp của Phật , vì pháp thân thường trú. Pháp đoạn diệt là pháp của Phật, vì diệt tất cả chướng. Pháp sinh khởi là pháp của Phật vì có thể sinh ứng thân. Pháp có giác ngộ là pháp của Phật , vì đối trị 8 vạn 4 ngàn hành nghiệp của chúng sinh. Pháp có tham là pháp của Phật, vì tham nhiếp thủ chúng sinh như mình. Cũng như vậy, pháp có sân là pháp của Phật. Pháp có si là pháp của Phật. Pháp thấy có phàm phu là pháp của Phật. Pháp không nhiễm ô là pháp của Phật, vì thành tựu chân như rồi thì tất cả chướng không thể nhiễm. Pháp lìa ô nhiễm là pháp của Phật, vì

sinh trong thể gian mà pháp thể gian không thể làm nhiệm ô. Vì các nghĩa lý như vậy nên gọi Phật pháp là rất sâu.

Tu các Ba-la-mật hóa độ chúng sinh, làm cho cõi Phật thanh tịnh, hiện tất cả Phật pháp, cho nên phải biết Tam-muội của Bồ-tát làm các việc sai biệt.

Như vậy là đã nói về tăng thượng thắng tâm rồi, vậy tăng thượng thắng tuệ là thể nào ?

Đó là tính xứ, thân xứ, nhân xứ, tướng xứ, trì xứ, bạn xứ, báo xứ, nhân khí xứ, xuất xứ, tận chí xứ nhờ vô phân biệt kia có công dụng, đẳng xứ, sai biệt xứ nhờ vô phân biệt mà có, và các xứ như trì, tự nhiên tác sự xứ, thậm thâm xứ ý của trí vô phân biệt. Như vậy nên biết trí vô phân biệt là thù thắng của tuệ tăng thượng.

Trong đây là 5 thứ tướng vì là trí tính vô phân biệt : ý là niệm, quả là hữu giác hữu quán, là định tướng thụ diệt, là sắc tính, chân thật xứ xả bỏ các tướng. Phải biết trí vô phân biệt kia được nói là 5 thứ tướng như vậy. Trong sự an lập sai biệt của trí tính vô phân biệt có bài kệ như sau :

*Chư Bồ-tát chân thật,*

*Xa lìa 5 thứ tướng.  
Vô phân biệt trí xứ,  
Trong đó có nhiều tên.  
Trong thân các Bồ-tát,  
Thiện tâm chính là tâm.  
Trong trí vô phân biệt,  
Nghĩa tâm chân thật nói.  
Nhân của các Bồ-tát,  
Đều nói văn huân tập.  
Trong trí vô phân biệt,  
Ý hành đồng tư duy.  
Niệm của các Bồ-tát,  
Không năng thuyên sở thuyên.  
Trong trí vô phân biệt,  
Vô ngã và chân như.  
Tướng của các Bồ-tát,  
Ở nơi chính niệm kia.  
Trong trí vô phân biệt,  
Trí xứ không các tướng.  
Tùy thuận nghĩa chân thật,  
Không biệt cũng không dị.  
Thứ tự cùng thuận theo,  
Nghĩa kia thuận hợp thành.  
Lìa trí không ngôn thuyết,*



*Có nói là có làm.  
Bởi nói có mâu thuẫn,  
Nên nói mà không nói.  
Trí của các Bồ-tát,  
Trí kia vô phân biệt.  
Nhờ kia mà được kia,  
Kia đến chỗ tăng trưởng.  
Bạn của các Bồ-tát,  
Là có hai thứ hạnh.  
Trong trí vô phân biệt,  
Tính 5 Ba-la-mật.  
Báo của các Bồ-tát,  
Trong 2 cõi chư Phật.  
Trí xử vô phân biệt,  
Để được hành tùy thuận.  
Nhân của các Bồ-tát,  
Thượng thượng các cõi sinh.  
Trong trí vô phân biệt,  
Chính thuyết đạt thù thắng.  
Các Bồ-tát xuất sự,  
Là vì được thuận nghĩa.  
Trong trí vô phân biệt,  
Hiểu rõ ràng 10 địa.  
Các Bồ-tát tận chí,*

*Nhân được 3 tịnh thân.  
Trong trí vô phân biệt,  
Đạt được thượng thân thông.  
Như hư không không nhiễm,  
Trí kia không phân biệt.  
Các thứ ác nghiệp tăng,  
Chỉ lấy tin làm chính.  
Như hư không không nhiễm,  
Trí kia không phân biệt.  
Xa lìa tất cả chướng,  
Để được thuận thành tựu.  
Như hư không không nhiễm,  
Trí kia không phân biệt.  
Vì thường hành thế gian,  
Không nhiễm thế gian pháp.  
Như người câm muốn biết,  
Như người câm biết được,  
Chẳng như người không câm,  
Mà nói 3 thứ trí.  
Như người ngu si biết,  
Như người ngu biết được,  
Chẳng phải như ngu biết,  
Mà nói 3 thứ trí.  
Thần thông có 5 nghĩa,*

*Thông đạt 5 thứ ấy,  
Như chỗ ý thức biết,  
Mà nói 3 thứ trí.  
Không thông luận muốn thông,  
Như thông hiểu pháp nghĩa,  
Theo tuần tự hiểu biết,  
Biết rồi thì gia hành.  
Như người bịt hai mắt,  
Trí kia không phân biệt.  
Sau đó được mở mắt,  
Trí kia nhờ đó được.  
Như không trí cũng vậy,  
Trí kia không phân biệt,  
Nơi kia sắc hiện tướng,  
Trí kia nhờ đó được.  
Như châu ngọc, kỹ nhạc,  
Sử dụng không phân biệt,  
Như vậy là sở trụ,  
Nghiệp chư Phật trang nghiêm.  
Chẳng kia hay nơi đâu,  
Có trí hay không trí,  
Trí kia không sai biệt,  
Là trí không phân biệt.  
Thể tính không phân biệt,*

*Rõ biết tất cả pháp.  
Trong chúng sinh phân biệt,  
Trí kia không phân biệt.*

Như vậy trong công dụng của vô phân biệt có 3 thứ gia hành khác nhau là nhân, hiện tướng và thủ sinh. Trí vô phân biệt cũng có 3 thứ là thiếu dục, tri túc và không điên đảo. Không phân biệt, không chống báng, nhờ đó trí hậu đắc kia cũng có 5 thứ : chứng đắc, ức niệm, sai biệt ly, thành tựu và thời hiện phân biệt. Đó là giải thích nghĩa của trí vô phân biệt. Ở đây có các bài kệ như sau :

*Nga quý, Súc sinh, Người,  
Chư thiên cùng La-hán,  
Đồng đẳng mà ý khác,  
Thành ra nghĩa các trần.  
Quá khứ như chiêm bao,  
Không khác cũng không hai.  
Chẳng có, nhưng khởi niệm,  
Tùy niệm thành các nghĩa.  
Nghĩa và nghĩa thành tựu,  
Trí kia không phân biệt.  
Kia không tức không Phật,  
Nói đắc là bất thành.  
Bồ-tát được thân thông,*

*Là nhờ sức tin kia.  
Địa v.v..cũng là không,  
Tùy hành giả mà biết.  
Thành tựu trí tuệ này,  
Dũng mãnh được thiên định.  
Tất cả pháp chính y,  
Và thấy nghĩa như vậy.  
Trí hành trong phân biệt,  
Và hiện tất cả nghĩa.  
Phải biết sự không nghĩa,  
Thì thức kia cũng không.*

Trong Bát-nhã Ba-la-mật, trí không phân biệt và không hơn kém. Như Kinh Đại Phẩm nói :

Bồ-tát trụ trong Bát-nhã Ba-la-mật, do không trụ nên có thể tu hành viên mãn.

Vì sao do không trụ mà có thể viên mãn các Ba-la-mật, xa lìa các chỗ như xa lìa chỗ kiến chấp ngã kiến của ngoại đạo, xa lìa chỗ vọng niệm phân biệt của các Bồ-tát chưa chứng đắc, xa lìa hai cực đoan thế gian và Niết-bàn, xa lìa sự vui mừng vì mới diệt chướng phiền não, xa lìa cảnh giới vô dư Niết-bàn không nghĩ đến lợi ích chúng sinh.

Trong Thanh Văn thừa và Bồ-tát thừa có chỗ nào hơn nhau ?

Có 5 thứ khác nhau : tướng thắng hơn, vô phân biệt thắng hơn vì chỉ không phân biệt pháp 5 uẩn, chẳng phải có phương thắng chứng mà chính là biết tất cả tướng và dựa vào tất cả chúng sinh, không trụ thắng nhân vì không trụ Niết-bàn, vĩnh viễn thắng vì trong Vô dư Niết-bàn giới trụ đến số vô lượng, và quả vô thượng. Ở đây có bài kệ như sau :

*Có 5 thứ thắng nghĩa,  
Lấy từ bi làm thân.  
Thế gian xuất thế gian,  
Không lâu sẽ hiển hiện.*

Nếu các Bồ-tát thành tựu công đức của giới tăng thượng, tâm tăng thượng và tuệ tăng thượng như vậy được tự tại trong lợi ích của chúng sinh. Thế tại sao lại có các chúng sinh bị khổ trôi buộc ?

Vì để cho thấy các chúng sinh kia, có chúng sinh đối với nghiệp chướng của chúng, nếu cho chúng thiện pháp thì khiến chúng trở ngại việc sinh khởi điều thiện, làm nhân tăng thêm pháp bất thiện, làm nhân chướng ngại bao nhiêu chúng

sinh khác. Vì thế mà thấy có chúng sinh có các trói buộc như vậy. Ở đây có bài kệ như sau :

*Hiện các chương phiền não,  
Đau mắt thấy không đúng.  
Các chúng sinh Bồ-tát,  
Không phải như nghĩa đó.*

Như vậy là đã nói về nghĩa thù thắng của tuệ tăng thượng rồi, vậy thù thắng của tịch diệt là thế nào ?

Tịch diệt của Bồ-tát là không chấp trước, không an trụ Niết-bàn. Cái tướng không chấp trước, không an trụ kia, đồng nghĩa với sự xả bỏ các phiền não tạp nhiễm mà không xả bỏ thế gian. Trong kệ nói chuyển thân, trong đó thế gian là tính tướng. Tức phiền não là phần ô nhiễm. Niết-bàn là phần thanh tịnh. Thân là thuộc hai phần đó. Tính tướng đó, nói chuyển thân tức trở lại đối trị trong tính tướng đó. Chuyển phần nhiễm thành phần tịnh. Nói đại lược có 6 thứ. Nghĩa là bớt tăng ích mà dùng sức tin, trụ nơi đa văn huân tập, dựa vào sự hỗ trợ mà không khởi các phiền não, được chứng nhập địa Bồ-tát hiện chính, không hiện bất chính, cho đến địa thứ 6 tu chuyển không hiện, hiện tướng có chương niệm, vì thiện tịnh

chính ý cho đến viên mãn quả trong 10 địa hiện không chướng ngại tất cả tướng niệm, được tất cả tướng niệm tự tại nhỏ mọn của Tiểu thừa, chứng chúng sinh vô ngã, cho nên một bề quay lưng với thế gian, một bề chối bỏ thế gian, lên đến chư Bồ-tát rồi chứng pháp vô ngã, trở lại nơi đó thấy tịch diệt các sử phiền não mà không xả bỏ.

Nếu các Bồ-tát chuyển tâm niệm thành nhỏ hẹp thì có lỗi gì ?

Đó là lỗi xả bỏ việc làm lợi ích chúng sinh, xa lìa pháp Bồ-tát, chỉ biết giải thoát như tâm lượng Tiểu thừa.

Nếu các Bồ-tát có tâm hướng thượng thì có lợi ích gì ?

Có lợi ích là nếu trong pháp thế gian thì bản thân mình và người khác được tự tại, vì coi chúng sinh trong tất cả các nẻo, đều như bản thân mình, nên dùng tất cả các phương tiện khéo léo trong ba thừa hóa độ an trụ chúng sinh. Ở đây có bài kệ như sau :

*Phàm phu bị mê mờ,  
Nên chỗ thấy không đúng.  
Các Bồ-tát thấy đúng,  
Nên hành động tự nhiên.*



*Không nói tức là nói,  
Phi nghĩa là chính nghĩa.  
Thân thường chuyển các việc,  
Chính thuyết là giải thoát.  
Thế gian và Niết-bàn,  
Chúng sinh là người trí.  
Bấy giờ thế gian kia,  
Nói tức là Niết-bàn.  
Chẳng bỏ, chẳng chẳng bỏ,  
Vì biết rõ thế gian.  
Không lợi cũng không tổn,  
Vì biết rõ Niết-bàn.*

Như vậy là đã nói xong về sự thù thắng của tịch diệt. Còn sự thù thắng của trí là thế nào ?

Vì có 3 thứ Phật thân nên nói về thù thắng của trí. Một là chân thân, hai là báo thân, ba là ứng thân. Chân thân chư Phật là pháp thân y cứ tất cả pháp được tự tại. Báo thân là pháp thân hiển rõ trong các Đại chúng hội của chư Phật, là chỗ sở y thanh tịnh của thế giới Phật, thụ pháp lạc Đại thừa cho nên tuy pháp thân mà từ Đâu-suất thiên cung thị hiện, thác thân thụ sinh, hiện thụ dục lạc, xuất gia, gần gũi ngoại đạo,, khổ hạnh,

thành đạo, chuyển pháp luân, thị hiện Đại Niết-bàn. Ở đây có bài kệ như sau :

*Được sự tướng tự tại,  
Vì có nhiếp thụ thân.  
Phân biệt đức rất sâu,  
Là nói về chư Phật.*

Pháp thân chư Phật Như Lai có những tướng gì ?

Tóm tắt có 5 thứ : Một là tướng chuyển thân. Tất cả phần phiền não chướng, trong tha tướng tính hồi chuyển, tất cả chướng được giải thoát chuyển y vào phần thanh tịnh của hiện pháp tự tại.

Vì hồi tha tướng tính nên thể tướng của bạch pháp có thể viên mãn 10 Ba-la-mật, được 10 tự tại. Trong đó mạng tự tại, tâm tự tại và tư dụng tự tại là do viên mãn Đàn Ba-la-mật. Nghiệp tự tại và sinh tự tại do viên mãn Thi Ba-la-mật. Tín tự tại do viên mãn Sằn-đề Ba-la-mật. Nguyên tự tại do viên mãn Tì-li-da Ba-la-mật. Trí tự tại và pháp tự tại do viên mãn Bát-nhã Ba-la-mật.

Tướng không hai là không có hai tướng sự và phi sự, vì y tất cả pháp là phi sự nên hữu vi vô vi là tướng không hai. Nghiệp phiền não và vô vi có

hiện tướng thì hiện tướng tự tại cho nên khác hay không khác chỉ là một, không có hai tướng. Trong đó tất cả chư Phật không có thân khác, cho nên vô lượng thân tâm thị hiện thành Phật. Ở đây có bài kệ như sau :

*Vì tự xưng vô ngã,  
Không có thân riêng biệt.  
Nhưng vì gốc trước kia,  
Nên lập ra phân biệt.  
Tính sai biệt không khác,  
Đầy đủ và vô thủy.  
Không phân biệt một Phật,  
Hay là có nhiều Phật.*

Tướng thường trụ, tức y tịnh tướng chân như, từ sức bản nguyện ra làm không có kỳ kết thúc.

Tướng không thể nghĩ bàn. Trong chân như thanh tịnh kia chỉ bên trong chứng biết, thế gian chưa từng có, cũng chẳng phải cảnh giới có thể lường đạc được.

Pháp thân này làm sao quán thấy biết được ?

Là do lúc đầu được tạm niệm Đại thừa vô phân biệt, nhờ đó được tu thành thực 5 thứ trí, trong tất cả các địa tập hợp các hạnh trợ đạo, khiến phá trừ các chướng vi tế khó phá trừ, như

Kim cương Tam-muội phá được tất cả các chướng.

Y pháp thân chuyên, được bao nhiêu thứ tự tại mà pháp thân được gọi là tự tại ?

Nói sơ lược có 5 thứ . Thế giới, thân tướng tốt, vô phân biệt vô biên âm thanh, tướng vô kiến đỉnh, tự tại chuyên sắc uẩn. Vô lượng an lạc thượng diệu tự tại chuyên về thụ uẩn. Danh thân cú thân tự thân, tất cả ngôn thuyết tự tại chuyên về tướng uẩn. Ứng thân nguyện giáo hóa dẫn dắt chúng sinh tiếp thu bạch pháp tự tại chuyên về hành uẩn. Như tấm gương quán chiếu, trí ức trì tự tại chuyên về thức uẩn.

Có bao nhiêu ý thân của pháp thân ?

Nói sơ lược có 3 thứ thân là nơi sở y của Phật thân. Ở đây có bài kệ như sau :

*Được 5 thứ ái thân,  
Là chư Phật tự được.  
Lợi ái muốn cầu được,  
Là cầu nơi nghĩa kia.  
Sở tác không năng chướng,  
Được nghĩa pháp nhiệm mầu.  
Được vô phi tối ái,  
Phật thường không tận kiến.*

Thụ các báo thân làm y cứ để giáo hóa các Bồ-tát. Y cứ các ứng thân phần nhiều để giáo hóa Thanh Văn.

Có mấy thứ pháp thân ?

Nên biết là thân nhiếp trong Phật pháp. Một là thanh tịnh, chuyển thức A-lê-da mà được pháp thân. Báo là chuyển sắc căn được trí báo. Hành là chuyển hành dục được vô lượng trí hành. Tụ tại là chuyển các thứ nghiệp, được tụ tại thân thông trí tụ tại không trở ngại trong tất cả thế giới. Giả dụng là tất cả sự thấy nghe hiểu biết, chuyển giả danh thành trí ngôn thuyết tụ tại, làm đẹp lòng chúng sinh. Khiển trừ là chuyển tất cả tai nạn thành trí, khiến trừ được tai nạn cho chúng sinh. Nên biết pháp thân chư Phật bao gồm tất cả 6 thứ Phật pháp này.

Pháp thân chư Phật là xen tạp hay không xen tạp ?

Nghiệp thân tâm sai biệt nên không xen tạp. Cõi vô lượng xứ thành chính giác nên xen tạp. Như pháp thân, báo thân cũng vậy. Tâm nghiệp sai biệt nên không tạp. Chẳng phải thân sai biệt vì chuyển vô lượng thân. Nên biết ứng thân cũng giống như báo thân.

Pháp thân đủ bao nhiêu công đức ?

Nên biết là thanh tịnh thuần thực 4 thứ vô lượng, giải thoát, thoái biến tịnh xứ, vô tránh, nguyện trí, 4 vô ngại, 6 thần thông, 32 tướng, 80 vẻ đẹp, 4 thứ nhất thiết tướng tịnh, 10 lực, 4 vô sở úy, 3 bất hộ, 4 niệm xứ, diệt tập khí, pháp không vong thất, đại bi, 18 pháp không chung và trí đầy đủ tất cả tướng. Ở đây có bài kệ như sau :

*Thương xót các chúng sinh,  
Thuận lợi và các tâm,  
Bất lợi, thế lạc tâm,  
Quy mạng lợi ích kia.  
Được lìa tất cả chướng,  
Mâu-ni xuống thế gian,  
Trí sở tri biến khắp,  
Quy mạng tâm giải thoát.  
Không sót tất cả chúng,  
Diệt tất cả phiền não,  
Không tạp, diệt phiền não,  
Quy mạng đáng ngôi cao.  
Tự nhiên không có chướng,  
Bất thoái thường nhập định,  
Trong tất cả nạn vẫn,  
Quy mạng đáng giải thích.*

Năng y và sở y,  
Trí tuệ và ngôn thuyết,  
Tâm thường không nao núng,  
Quy mạng đáng thuyết giáo.  
Rõ ngôn thuyết quá khứ,  
Tâm quá khứ vị lai,  
Chúng sinh trong không thật,  
Quy mạng khéo giáo hóa.  
Khen ngợi pháp trượng phu,  
Chúng sinh thấy Hiền thánh,  
Thấy rồi sinh cung kính,  
Quy mạng đáng phân biệt.  
Thủ xứ và thế lực,  
Ứng thân và thế nguyện,  
Trí Tam-muội tự tại,  
Quy mạng đáng chứng đắc.  
Phương tiện quy y tịnh,  
Khiến lợi lạc chúng sinh,  
Đại thừa lợi xuất thế,  
Quy mạng hàng phục ma.  
Trí diệt và các việc,  
Tác chương và diễn thuyết,  
Tự tha và ngoại đạo,  
Quy mạng không thoái chuyển.

*Hay thuyết giảng điều thiện,  
Xa lìa hai nhiễm ô,  
Không hộ, không quên mất,  
Quy mạng đáng dặt dấn.  
Tu hành tất cả hạnh,  
Không Thánh nào chẳng biết,  
Tất cả thời đều biết,  
Quy mạng chân thật nghĩa.  
Việc làm cho chúng sinh,  
Thánh thấy đều không trái,  
Làm việc không ngừng nghỉ,  
Quy mạng đáng không quên.  
Trong một ngày một đêm,  
Sáu thời quán chúng sinh,  
Thành tựu đại từ bi,  
Quy mạng tâm lợi ích.  
Thực hành và chứng đắc,  
Trí tuệ và các nghiệp,  
Các Thanh Văn, Duyên Giác,  
Quy mạng bậc tối thượng.  
Ba thân đại Bồ-đề,  
Được đủ tất cả tướng,  
Khắp xứ tất cả chúng,  
Quy mạng đáng quyết nghị.*



Pháp thân chư Phật thành tựu các công đức như vậy. Lại còn có các công đức của tính, nhân, quả, nghiệp, thuận và hành. Vì vậy nên biết rằng pháp thân chư Phật Như Lai là vô thượng công đức. Ở đây có bài kệ như sau :

*Thành tựu các chân thật,  
Vượt qua tất cả địa,  
Đến tất cả chúng sinh,  
Độ thoát hết chúng sinh.  
Đủ vô lượng vô biên,  
Thế gian thấy công đức.  
Thế giới không thể thấy,  
Tất cả các nhân thiên.*

Nhưng pháp thân lại rất sâu xa. Sự sâu xa của pháp thân chư Phật làm sao biết được ? Ở đây có bài kệ như sau :

*Không sinh, chư Phật sinh,  
Không trụ, mà là trụ.  
Mọi việc đều tự nhiên,  
Ăn, là ăn thứ tư.  
Không phá và vô lượng,  
Vô lượng đồng như một.  
Không thấy và nghiệp thấy,  
Chư Phật thành ba thân.*

Không có thành chính giác,  
Chẳng tất cả chẳng Phật.  
Niệm niệm không thể lường,  
Sự, phi sự hiển hiện,  
Không nhiệm cho đến nhiệm,  
Và chỗ nhiệm sở y,  
Phi nhiệm, phi nhiệm rồi,  
Nhập chân chính pháp thể.  
Chư Phật quá các uẩn,  
Mà chính trụ trong uẩn.  
Kia không khác không một,  
Xả bỏ được tịch diệt.  
Tất cả là tạp nghiệp,  
Chỉ lìa nước biển lớn.  
Làm việc tiếp làm việc,  
Lợi người chẳng để tâm.  
Chúng sinh tội, không thấy,  
Như đồ bể không trăng.  
Khắp tất cả thế gian,  
Ánh sáng pháp mặt trời.  
Hoặc khi thành chính giác,  
Hoặc Niết-bàn lửa tắt.  
Không lúc nào mà không,  
Phật thân vẫn thường trụ.

*Chư Phật phi chính pháp,  
Các người nẻo đường ác.  
Trong pháp phi phạm hạnh,  
Thường ở thân chân thật.  
Kia đi khắp mọi nơi,  
Và nơi không đi đến.  
Thấy tất cả trong thân,  
Tất cả căn không cảnh.  
Trừ diệt các phiền não,  
Như chú cấm, thuốc độc.  
Phiền não đến khi hết,  
Là chứng nhất thiết trí.  
Phiền não chuyển giác phân,  
Là thế gian tịch diệt.  
Cho nên phương tiện lớn,  
Chư Phật bất tư nghị.*

Nhưng sự sâu xa này có 12 thứ. Đó là sự sâu xa về sinh thành nghiệp trụ, sự sâu xa về sai biệt toán số, sự sâu xa về thành chính giác, sự sâu xa về yếm ly, sự sâu xa về đoạn diệt các uẩn, sự sâu xa về giáo hóa, sự sâu xa về thị hiện, sự sâu xa về thành chính giác thị hiện Niết-bàn, sự sâu xa về hành, sự sâu xa về thị hiện bản thân, sự sâu xa về đoạn diệt phiền não, sự sâu xa về bất tư nghị.

Khi các Bồ-tát ức niệm về nghĩa pháp thân của chư Phật thì niệm như thế nào ?

Tóm tắt mà nói, Bồ-tát có 7 tướng ức niệm pháp thân. Tùy niệm chư Phật thì được tất cả chư Phật, vì thời pháp tự tại. Niệm chư Phật thì được thần thông không chướng ngại tất cả thế giới. Ở đây có bài kệ như sau :

*Trong chương và thiếu nhân,  
Trong khắp cõi chúng sinh,  
Kẻ có hai quyết định,  
Chư Phật không tự tại.*

Chư Như Lai thân thường trụ, vì chân như không gián đoạn, giải thoát cấu uế. Chư Như Lai tối thắng không tội lỗi, vì xa lìa tất cả phiền não trí chướng. Chư Phật thì tự nhiên, tự nhiên làm tất cả Phật sự mà không thôi nghỉ. Chư Phật có thể lực lớn mạnh, vì cõi Phật thanh tịnh an vui. Chư Phật không nhiễm ô, vì sinh ra trong thế gian mà không bị pháp thế gian làm ô nhiễm. Chư Phật Như Lai làm thành việc lớn, vì thị hiện thành chính giác và Niết-bàn, chúng sinh chưa hóa độ thì khiến được hóa độ, hóa độ rồi thì khiến được giải thoát. Ở đây có bài kệ như sau :

*Tự tại nơi tâm mình,*

*Hiển thanh tịnh thường trú.  
Đại pháp vô công dụng,  
Vì vậy được báo thân.  
Không gấp thường tinh tiến,  
Thị hiện nhiều kiếp sinh.  
Tất cả tất cả Phật,  
Người trí phải ghi nhớ.*

Thế giới chư Phật thanh tịnh như thế nào ?

Như trong phần Tựa của Bồ-tát Tạng, Kinh Phật Thập Vạn Kệ có nói :

Như Lai ở nơi hết sức rực rỡ bảy báu trang nghiêm biến khắp vô lượng thế giới phóng ánh sáng lớn. Là nơi trụ xứ vô lượng thiện phân biệt. Là cảnh giới siêu quá ba cõi, cảnh giới không thể sai biệt. Là nơi thiện tịnh của thức tướng tự tại, hơn cả thượng thiện căn thế gian sinh ra. Là nơi Như Lai gia trì. Là trụ xứ của Đại Bồ-tát. Là nơi hành trì của vô lượng Thiên long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân và Phi nhân. Là nơi thâm nhuần đại pháp vị ái lạc. Nơi hiện tất cả Phật sự của tất cả chúng sinh. Nơi lìa tất cả phiền não. Nơi lìa tất cả ma. Nơi siêu quá tất cả trang nghiêm được Như Lai trang nghiêm gia trì. Nơi siêu quá đại niệm.

Nơi lấy Đại Xa-ma-tha, Tì-bà-xá-na làm thừa giáo. Nơi nhập vào Đại không, vô tướng, vô nguyên. Nơi vô lượng kiếp trang nghiêm đại liên hoa vương. Đó là trụ xứ trung tâm to lớn vi diệu của Như Lai. Trong cõi Phật thanh tịnh này, sắc tướng quang minh vô lượng, cho đến tướng thí xứ, thí nhân, thí quả, trợ bạn, quyền thuộc, lợi ích, tác nghiệp, nhuận Trạch, vô úy, trụ xứ, gia hành, thừa, trì, đường sá nhà cửa đều hiển hiện sự quang minh thanh tịnh. Sắc tướng thanh tịnh của thế giới đức Phật kia chỉ thuần thanh tịnh, thuần an lạc, hoàn toàn không có cái ác, hoàn toàn tự tại.

Nên biết pháp giới chư Phật trong tất cả mọi thời đều làm 5 việc : Phòng hộ các tai nạn cho chúng sinh. Chúng sinh nào gặp được Phật thì khỏi các nạn đui mù câm điếc cuồng loạn v.v...Phòng hộ các đường ác. Ở nơi không lành thì khiến an trụ chỗ lành. Giúp người không có phương tiện phòng ngừa tai nạn, như các ngoại đạo không có phương tiện thực hành giải thoát khiến họ được ở trong Phật pháp. Giúp người ngăn ngừa nạn tà kiến bằng thực hành các pháp trợ đạo vượt qua ba cõi. Giúp cho thừa giáo tránh nạn thiên tiêu, như các Bồ-tát trụ ở các thừa khác và các bất định tính Thanh Văn

khiến tu hành trụ vào Đại thừa. Nên biết 5 việc làm này là việc làm của tất cả chư Phật. Ở đây có bài kệ như sau :

*Nhân, thân, tác nghiệp do sai biệt,  
Và nói các hành sai biệt kia,  
Có sai biệt đó là thế gian.  
Không sai biệt ấy là chư Phật.*

Nếu sự thành tựu công đức pháp thân của chư Phật không đồng với Thanh Văn, Duyên Giác thì vì ý gì Phật nói nhất thừa ? Ở đây có bài kệ như sau :

*Vì riêng loại hữu dư,  
Và giữ các hữu dư,  
Bất định tính nên nói,  
Lý nhất thừa chư Phật.  
Tin nơi pháp vô ngã,  
Bình đẳng tính sai biệt.  
Vì thâm tâm ứng hóa,  
Tất cả chỉ nhất thừa.*

Vì nghĩa gì tất cả chư Phật Như Lai đều đồng một pháp thân mà nói có nhiều Phật ? Ở đây có bài kệ như sau :

*Một cõi không hai Phật.  
Nhiều người đồng thành Phật.*

*Nói tuần tự không đúng.*

*Giải thích thành nhiều Phật.*

Làm sao biết pháp thân chư Phật không vĩnh viễn Niết-bàn cũng chẳng phải không vĩnh viễn Niết-bàn ? Ở đây có bài kệ như sau :

*Xa lìa tất cả chương,*

*Nhưng không hết độ thoát.*

*Nên Phật tuy diệt độ,*

*Mà vẫn không diệt độ.*

Vì sao báo thân không phải là đầy đủ chân thân ?

Vì có 6 tướng : Vì thị hiện có sắc thân và phân biệt thị hiện trong vô lượng cõi Phật. Vì tùy theo tín tâm mà thị hiện nên thấy khác nhau không thấy nhất định. Vì thị hiện đồng sinh đồng sự nên Bồ-tát, Thanh Văn, chư thiên v.v...đều thấy khác nhau. Vì thức A-lê-da và các chuyển thức thị hiện lúc chuyển thân. Đó là ý nghĩa báo thân không gọi là thành chân thân.

Chỉ là ứng thân không gọi là chân thân vì có 8 tướng : Các Bồ-tát từ lâu xa đã được Bất động Tam-muội, nên thụ sinh trời Đâu-suất, thụ sinh cõi người đều không đúng lý. Đã biết túc mạng mà không biết văn học toán số công xảo, lại thụ dục



lạc và làm các việc mà không biết là không đúng lý. Đã biết nói thiện pháp và bất thiện pháp mà còn đến hỏi đạo ngoại đạo là không đúng lý. Đã biết các hạnh ba thừa mà con tập khổ hạnh là không đúng lý. Đã xả bỏ trăm ức Diêm-phù-đề mà chỉ thành chính giác và chuyển pháp luân ở một Diêm-phù-đề là không đúng lý. Nếu thành chính giác là thị hiện phương tiện còn các cõi khác thì ứng hóa thân làm Phật sự thì tại sao chỉ thành chính giác ở trời Đâu-suất ? Tại sao không đồng thời thành chính giác ở tất cả Diêm-phù-đề ? Điều này trong A-hàm cũng như không thấy trong các nghĩa khác giải thích. Lại nữa không có 2 Phật đồng thời xuất hiện trong một thế giới vì trái nhau, vì giáo hóa rất nhiều, thân gồm 4 phương thế gian, cũng như không có hai Chuyển luân thánh vương sinh đồng thời với nhau. Ở đây có bài kệ như sau :

*Chư Phật chưa ứng hóa,  
Đồng ở pháp thân tàng.  
Tất cả tướng thành giác,  
Nên có thể thị hiện.*

Vì lợi ích tất cả chúng sinh mà hành muôn hạnh tu tập Đại Bồ-đề, không nguyện vĩnh viễn

nhập Niết-bàn, vì chỉ tu tập và cứu độ mà không cầu báo đáp, vì báo thân, ứng thân là vô thường.

Thế nào là thân thường trụ của chư Phật ?

Là y cứ vào pháp thân thường trụ. Phải biết các nhân thân, ứng thân, báo thân là bất định. Pháp thân chư Phật tuy vô lượng vô biên thời là nghĩa xứ của chư Phật mà không tạm làm công dụng. Ở đây có bài kệ như sau :

*Chư Phật đức thắng, không khác không  
lường,*

*Chúng sinh nhân yếu, kia mà không mất,  
Được rồi được kia, tất cả không nhân,  
Có đoạn kia đây, không nên thuận thành.*

LUẬN NHIẾP ĐẠI THỪA

Quyển Hạ

( Hết )